

THẦN HỌC LUÂN LÝ - LƯU HÀNH NỘI BỘ

TU SĨ

**SỐNG KHIẾT TỊNH THÁNH HIẾN
TRONG THẾ GIỚI TỤC HÓA**

Nữ tu Cécile Vũ Trang Nhung
Hội dòng Mến Thánh Giá Thanh Hóa

MỤC LỤC

Dẫn Nhập

Phần I : TÍNH DỤC NHÂN BẢN

I. Khái Niệm về Tính Dục

II. Bản Chất Của Tính Dục Nhân Bản

III. Cơ Cấu Tính Dục

VI. Mục Tiêu Của Tính Dục

V. Xu Hướng Tính Dục

Phần II : TÍNH DỤC VÀ NHÂN BẢN

I. Tự Nhiên - Siêu Nhiên

II. Động Lực Nhân Linh

III. Những Dấu Hiệu Ấu Trĩ

IV. Rèn Luyện Khả Năng Kiểm Soát Cảm Xúc

V. Tính Dục Và Giới Luật Của Chúa

VI. Tính Dục Và Quan Điểm Của Giáo Hội

Phần III: TÍNH DỤC VÀ ĐỜI SỐNG KHIẾT TÌNH CỦA NGƯỜI TU SĨ

I. Quan Niệm Về Độc Thân Thánh Hiến

II. Tính Dục Và Đời Sống Khiết Tình Thánh Hiến

III. Tương Quan Với Người Khác Phái

DẪN NHẬP

“Con không xin Cha cất họ khỏi thế gian, nhưng xin Cha gìn giữ họ khỏi ác thần” (Ga 17,15).

Kính thưa quý nam nữ tu sĩ,

Đề cập đến luân lý tính dục trong đào tạo và huấn luyện ơn gọi đời sống thánh hiến, có lẽ là điều ngạc nhiên không ít đối với nhiều người, vì họ thường quan niệm rằng đây là vấn đề tế nhị, kiêng kỵ, là góc riêng tư của đời sống hôn nhân. Nếu nghĩ như thế, đi tu có nghĩa là trốn tránh trách nhiệm gia đình, là hủy diệt, là né tránh sinh lý tự nhiên hay sao? Như vậy, khi suy tư quá đơn thuần, phiến diện về người sống thánh hiến có thể dẫn đến lệch lạc. Tu sĩ chúng ta vẫn mang thân xác con người. Hơn thế nữa, mỗi tu sĩ đều vẫn xuất thân và là hoa trái từ tình yêu hôn nhân của cha mẹ. Chắc chúng ta đã ít nhất một lần tự hỏi hoặc một ai đó hỏi chúng ta, hay phản ứng rằng: Tại sao đi tu mà học tính dục làm gì? Và đây chính là vấn nạn cần đặt ra cho chúng ta trong hoàn cảnh đặc biệt của thế giới hôm nay.

Như thế, điều chúng ta thắc mắc cũng đúng, nhưng nó chỉ một phần nhỏ mà thôi. Quý vị có lý, bởi vì nếu quá đặt nặng khía cạnh tính dục như trong hôn nhân đối với người sống khiết tịnh thánh hiến thì nguy cơ sẽ làm xao xuyến, nao động tâm hồn những ai đang chao đảo và nổi loạn thân xác.

Có thể khái niệm về luân lý tính dục là vấn đề mới đối với nhiều tu sĩ, nhưng nó không phải là phát minh mới của nhân loại, vì tính dục đã gắn liền với con người ngay từ nguyên thủy khi con người được Thiên Chúa sáng tạo: *“Thiên Chúa đã dựng nên họ có nam có nữ và Thiên Chúa đã chúc lành cho họ”* (St 1, 27-28).

Linh mục, tu sĩ, tất cả chúng ta đều là con người rất tự nhiên xác định rõ giới tính. Trước khi là một tu sĩ tốt, tôi phải là một công dân tốt và trước khi là một công dân tốt tôi phải là con người rất người. Nếu là người thì chúng ta phải có một tâm-sinh lý quân bình. Không phải vì chúng ta thiếu quân bình hay vì thiếu hiểu biết về giá trị của tính dục nên ta mới đi tu. Hiểu đúng về nó và ta dâng hiến trọn vẹn cho một tình yêu cao cả hơn mới là điều phi thường.

Hơn nữa, chúng ta đang sống đời tu và thực thi sứ mạng phục vụ Tin mừng trong một môi trường Giáo hội và xã hội có nhiều thuận lợi vì sự phát triển của khoa học, kỹ thuật cũng như các lãnh vực khác. Tuy nhiên, môi trường này cũng đang có những biến loạn và ảnh hưởng vô cùng độc hại. Đời sống con người hiện tại và cả đời tu chúng ta đã bị nhiễm độc bởi một nền văn hóa, theo nhận xét của Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *“nhuộm màu văn minh sự chết”*. Đức Giáo Hoàng Biển Đức gọi là thế giới của những trào lưu *“Tục hóa hệ thống”*, của *“Chủ nghĩa tương đối”*, của *“Khủng hoảng về sự thật”*, của *“chủ nghĩa duy khoái lạc, thực dụng”* và thế giới *“đánh mất cảm thức tội lỗi”*. Đức Giáo Hoàng Phanxicô gọi thế giới hiện đại là thế giới của *“Nền văn hóa xài rồi bỏ: tất cả mọi thứ là chỉ để dùng khi còn hữu dụng, hết tác dụng rồi thì phế bỏ đi”, nền văn hóa tạm bợ, nhất thời.*

Hiểu được hiện tình thế giới với ngàn muôn thách đố đối với tu sĩ, chúng ta nên chuẩn bị cho mình những “*chất đề kháng*” tốt nhất cho việc phòng ngừa siêu vi-rút độc hại của những dịch bệnh nan y, nguy hiểm có thể nhiễm lây vào đời tu và găm nhấm làm chết dần sức sống thần linh của tâm hồn người thánh hiến. Chính vì thế, không thể vô tri về tính dục cách ngây ngô để vô tình giảm nhẹ ý nghĩa của đức khiết tịnh tu trì.

Ở khóa thường huấn này không hẳn là một môn học luân lý tính dục cách đầy đủ, chi tiết, mang tính chuyên biệt của nó, nhưng là một tổng hợp nhỏ ***kiến thức*** qua ***tâm-sinh*** lý dẫn tới chiều kích luân lý về ***tính dục và người tu sĩ sống trưởng thành trong đời sống khiết tịnh thánh hiến giữa một thế giới tục hóa***.

Quả thực, học hỏi về chính mình, đến những gì mình “là” và những gì mình “có”, không chỉ là điều được phép, mà là điều phải biết. Biết về tính dục không phải để khiêu khích sự tò mò hay là để “thử” làm bậy, nhưng là để làm chủ chính mình, biết trách nhiệm trước hành vi của mình, để sống đúng nhân vị mà chính Thiên Chúa đã ban tặng cho mỗi người. Biết rõ giá trị cao quý này là để ta sống phản chiếu và họa lại hình ảnh của Thiên Chúa Tình yêu.

Ý thức được tầm quan trọng này, Giáo Hội luôn ưu tư và tìm ra mọi cách thế tốt nhất giúp chúng ta sống ơn gọi làm người, ơn gọi làm con Thiên Chúa, và đặc biệt ơn gọi làm con Thiên Chúa trong đời sống thánh hiến, vì thế đã có một nền Thần học thân xác. Đặc biệt Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, trong tác phẩm “*Ngài đã tạo dựng nên họ là nam là nữ*”¹ đã đề cập, làm nổi bật vai trò và giá trị của giới tính từ nguyên thủy con người.

Vậy, trong chương trình thường huấn này, tôi xin trình bày với anh chị em về ba phần chính yếu:

1. Tính dục nhân bản
2. Tính dục và nhân bản
3. Tính dục và đời sống khiết tịnh thánh hiến

¹ *Uomo e Donna Lo creo-catechesi sull'amore* (giáo lý về tình yêu, NXB Città nuova Editrice-libreria Editrice Vaticana- Xuất bản lần thứ V năm 2011, được linh mục Luy Nguyễn Anh Tuấn chuyển dịch năm 2011).

PHẦN I

TÍNH DỤC NHÂN BẢN

I. KHÁI NIỆM VỀ TÍNH DỤC

Khi đề cập đến tính dục, chúng ta thường gặp một số **khái niệm liên quan**, đó là tình dục, giới tính, tính dục

- **Tình**: đó là cảm xúc yêu thương nội tại.
- **Tình dục**: là cách thể mà hai người khác phái vận dụng để trao gửi yêu thương và kết hợp với nhau trong tương quan vợ chồng.
- **Giới tính**: đặc điểm, tính chất để phân biệt nam nữ.
- **Tính dục**: một đặc tính bao quát, chỉ về bản năng giới tính, bản chất giới tính và bản năng sinh dục của con người.

Tính dục thường được chúng ta mặc cho một ý nghĩa tiêu cực đó là ám chỉ những đam mê nhục dục. Nhưng:

Theo Thần học Luân Lý:

- Tính dục là điều tốt đẹp do Thiên Chúa tạo nên.
- Tính dục có tác động đến nhân bản con người trong mọi bình diện hiện sinh.
- Tính dục tác động đến ta trên mọi bình diện:
 - + Bình diện vật lý: tác động sâu sắc tới mọi diễn trình sinh học,
 - + Bình diện tâm lý: ảnh hưởng đến cảm xúc của ta, và có mối liên hệ giữa ta với Chúa và tha nhân.
 - + Bình diện tâm linh,
 - + Bình diện xã hội.

Như thế, tính dục là điều tuyệt vời Thiên Chúa ban, ảnh hưởng đến xác, hồn (con người hiện sinh), xã hội tính (môi trường sống xung quanh ta).

- Theo từ điển tiếng Pháp “Sexualité” nghĩa là “Giới tính, Tính dục, Tình dục “Sexualité” bắt nguồn từ tiếng Latinh là “Sexualis” và “Sexus”: phân biệt, sự phân biệt.

- Tòa Thánh đã khẳng định rằng chối bỏ « chiều kích luân lý của tính dục », đó là « *chối bỏ sự tự do của nhân vị trong lãnh vực này* »².
- Sách GLHTCG số 2332 dạy: “*Tính dục là sự phong phú của toàn thể nhân vị.*”
- Theo Đức Hồng Y Ratzinger: “*Tính dục không phải là cái xuất hiện sau khi đã phạm tội, mà nó có sẵn trong chương trình tạo dựng của Thiên Chúa. Tạo ra người nam và người nữ, có nghĩa là Thiên Chúa đã tạo nên giới tính. Như thế, Thiên Chúa đã tạo nên giới tính ngay từ lúc đầu, nó là cái thiện nguyên nguyên của kiếp người*”.³

II. BẢN CHẤT CỦA TÍNH DỤC NHÂN BẢN

1. Sự khác biệt giữa tình dục và tính dục

Tình dục là phản ánh quan hệ tính giao giữa nam và nữ (sử dụng yếu tố bản năng).

Tính dục là khái niệm vừa phản ánh quan hệ tính giao giữa nam và nữ, vừa chứa đựng những yếu tố tạo nên phần hữu hình và vô hình của con người, là yếu tố cần thiết quyết định cơ cấu cần thiết nơi con người hoặc nam hoặc nữ.

“**Tính dục** là tổng thể con người, bao gồm mọi khía cạnh đặc trưng của con trai hoặc con gái, đàn ông hoặc đàn bà và biến động suốt đời. Tính dục phản ánh tính cách con người, không phải chỉ là bản chất sinh dục. Vì là một biểu đạt tổng thể của nhân cách, tính dục liên quan tới yếu tố sinh học, tâm lý, xã hội, tinh thần và văn hóa của đời sống. Những yếu tố này ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách và mối quan hệ giữa người với người và do đó tác động trở lại xã hội”⁴.

Vậy nên tính dục ảnh hưởng tới cách ứng xử của mỗi người như thái độ, diễn biến tâm lý.

⇒ Các yếu tố tạo nên tính dục cũng là các yếu tố tạo nên nhân cách.

⇒ **Tính dục:**

- Tự bản chất là tốt đẹp và trong sáng vì Thiên Chúa đã dựng nên.
- Tình yêu tính dục làm cho người này trở nên đôi ngả của người kia. Vì thế, mọi hình thức khác của khởi động tính dục là bất toàn và có khi là đồi bại hay thiếu trưởng thành.
- Bản năng tính dục thúc đẩy con người tự bảo tồn và duy trì sự sống kèm theo những khoái lạc.

2. Quan điểm về tính dục trong Kinh Thánh

² Đức cha Silvano Maria Tomasi, quan sát viên thường trực của Tòa Thánh tại Liên Hiệp Quốc, đã khẳng định hôm 22/03/2011.

³ **Nguồn:** (Trích đoạn trong Muối Cho Đời. Muối Cho Đời là tác phẩm ghi lại cuộc đối thoại thẳng thắn, cởi mở và sâu sắc giữa Đức Hồng Y Joseph Ratzinger và ký giả Peter Seewald. Phạm Hồng Lam và Trần Hoàng chuyển Việt ngữ) do Phạm Hồng Lam và Trần Hoàng chuyển dịch.

⁴ Ủy ban giáo dục và thông tin về tình dục ở Mỹ, *Nhận định về tính dục*, năm 1970.

a. Cự ước

“Thiên Chúa sáng tạo con người giống hình ảnh mình, Thiên Chúa sáng tạo con người giống hình ảnh Chúa, Thiên Chúa sáng tạo con người có nam có nữ” (x. St 1, 27)

- Bản chất của tính dục là tốt vì đã được Thiên Chúa dựng nên, là quà tặng của Thiên Chúa. Kinh Thánh nói lên sự phân biệt giới tính chứ không phải là sự bất bình đẳng giữa người nam và người nữ. (GLHTCG 2334)
- Toàn thể con người được tạo dựng cách tốt đẹp, trong đó tính dục cũng là một phản ánh tốt đẹp của Thiên Chúa, nó mang ý nghĩa tốt đẹp trong trật tự của nó.

b. Tân ước

Cũng như Cự ước, Tân ước không định nghĩa tính dục là gì, nhưng chỉ giới thiệu cho chúng ta một Đức Kitô luôn tôn trọng và yêu thương nhân vị người nam và người nữ. Chúa Kitô không phụ thuộc vào cách hành xử của người Do thái lúc bấy giờ, họ trọng nam khinh nữ. Kinh Thánh cho ta biết nhiều phụ nữ theo Chúa và Chúa luôn trân trọng, yêu thương họ nên đã có rất nhiều người phụ nữ đi theo Chúa (x.Lc 8, 1-3; x.Mt 27, 55). Chúa Giêsu đã không bao giờ kỳ thị đối với nữ giới. Người đã sẵn sàng đối thoại với họ về những chân lý cao siêu, như trường hợp phụ nữ Samaria (x.Ga 4,7-42). Điều đó, chứng tỏ tính dục được luôn trân trọng trong Tân Ước.

- Thánh Phaolô trong các thư mục vụ gửi các giáo đoàn đầu tiên cũng đã bày tỏ quan niệm của Ngài về đời sống tính dục khi khuyên các tín hữu của mình:
 - + Biết kiềm chế và cẩn trọng trong đời sống tính dục (x. 1Tx 4, 4-8)
 - + Nước Trời không dành cho những người nhơ bẩn, dâm ô (x. 1Cr 6, 9)
 - + Phải thánh hóa thân thể và đời sống tính dục vì chúng ta là đền thờ của Chúa Thánh Thần.
 - + Tình yêu tính dục gia đình như là tình yêu ràng buộc giữa Đức Kitô và Hội Thánh, mang phẩm giá bất khả phân ly, là một tình yêu cụ thể và thẳng hoa (x.Ep 5, 21-25).

Mang tư tưởng như Thầy Chí Thánh, thánh Phaolô không có thái độ trọng nam khinh nữ như xã hội Do thái lúc bấy giờ. Ngược lại, người phụ nữ cũng được tôn trọng trong các thư của thánh Phaolô, họ có quyền xây dựng cộng đoàn, họ được gọi là những cộng sự viên của việc loan báo Tin Mừng (x.1 Cr 3, 18; 6, 9; 11, 5).

- Thánh Tông đồ cũng đưa ra quan điểm nhân học theo cấu trúc: tâm-thể-lý. Con người gồm thể lý (corps), tinh thần (esprit) và linh hồn (Âme).

Trong khái niệm này ta nhận thấy rằng:

+ Hình ảnh của con người là hình ảnh sáng tạo. Vì thế, *đời sống thánh hiến không phải là một sự hy sinh bất đắc dĩ hay không phải là vô tri, nhưng là một sự dâng hiến sáng tạo và tự nguyện.*

+ Điểm mới nhất, nổi bật nhất trong nền đạo đức tính dục của Tân ước, đặc biệt theo thánh Phaolô, là *khuyến sống khiết tịnh vì Nước Trời*⁵. Như thế, dù tính dục là khuynh hướng tự nhiên, là tốt đẹp, nhưng việc thỏa mãn tính dục trong đời sống hôn nhân không phải là con đường duy nhất đảm bảo hạnh phúc cho con người. Vì thế, lời khuyến sống một bậc sống cao hơn là *kh khiết tịnh độc thân thánh hiến vì Nước Trời.*

⇒ Kinh thánh Tân ước chỉ cho ta trong Giáo Hội có hai con đường đi tới Nước Trời tồn tại song song:

- Hôn nhân: Thăng hoa đời sống tính dục.
- Thánh hiến: Là bậc sống cao quý hơn (x.1Cr 7, 8. 25-28).

Cho rằng đời sống thánh hiến là một ơn gọi cao quý hơn, không phải là Thánh Phaolô hạ thấp tính dục hôn nhân nhưng vì mỗi người đều có ơn riêng của Thiên Chúa để chu toàn bậc sống của mình. Mỗi bậc sống có thể tốt cho người này nhưng chưa hẳn đã có lợi cho người kia.

⇒ **Tóm lại:** Ba điểm nổi bật của tính dục trong truyền thống Kitô giáo:

- Sinh hoạt tính dục chỉ thích hợp cho môi trường duy nhất là hôn nhân gia đình.
- Đặc tính hôn nhân công giáo là một vợ một chồng, “bất khả phân ly”.
- Sinh sản con cái, duy trì nòi giống và giáo dục con cái theo tinh thần Kitô giáo.

III. CƠ CẤU TÍNH DỤC

1. Sự khác biệt căn bản giữa người nam và người nữ

Y học và Tâm lý học đã chứng minh sự khác biệt giữa người nam và người nữ không chỉ giới hạn ở bộ phận sinh dục và chức năng sinh sản, nhưng phải tính chi phối toàn thể cơ cấu của con người từ nhiễm sắc thể (Nam XY - Nữ XX), hình dạng thân thể, cấu trúc nội tiết cho đến đường hướng suy tư, hành động.

Chúng ta có thể tổng hợp những khác biệt căn bản giữa nam và nữ như sau:

	Nam	Nữ
1. Thể lý	- Dáng vóc to khỏe, cấu trúc	-Thon thả, xương mềm. Thể lý yếu nhưng

⁵ Mt 19,11

	xương rắn chắc	khung chậu và ngực lớn hơn nam (Chức năng sinh sản), là người cần được che chở nhưng lại có chức năng ôm ấp (làm mẹ).
2. Cảm giác - Trí giác	- Biểu lộ qua việc suy tầm và quyết đoán	- Diễn tả qua nét tế nhị duyên dáng.
3. Cảm xúc	- Cố gắng làm chủ cảm xúc	- Dễ thay đổi tính khí (do ảnh hưởng chu kì kinh nguyệt), dễ bộc lộ cảm xúc.
4. Nghị lực	- Dồn lại ở một vài cơ quan nhưng nó huy động mạnh mẽ, nhanh chóng.	- Lan toả khắp thân thể nhưng lại hoạt động chậm rãi và bền bỉ.
5. Nhận thức - Trí tuệ	- Nhận thức bằng khối óc, thuyết phục bằng lý luận một cách rành mạch. - Quan sát vấn đề cách tổng quát, nhìn nhận sự việc thoáng và bao quát hơn.	- Thiên về trực giác, suy luận bằng con tim (Cảm tính). - Chú ý đến chi tiết, quan tâm những điều nhỏ nhất.
6. Tình cảm	- Hướng tới các sáng kiến, các phương tiện hữu hiệu. (tim có nhiều ngăn: Sự nghiệp, bạn bè, giải trí, thể thao, tình yêu).	- Chú ý đến sự tinh tế, dịu dàng, vẻ đẹp (trọn vẹn con tim cho tình yêu).
7. Nhân sinh quan	- Nhắm tới việc đạt được mục tiêu.	- Trọng tình nghĩa, chung thủy, bảo vệ sự sống.
8. Tôn giáo	- Muốn nắm bắt cái cốt lõi của tôn giáo và diễn đạt cảm nghiệm tôn giáo ra hoạt động. - Suy tư sâu sắc.	- Bị thu hút bởi tình cảm và sự huyền nhiệm, thiên về chiêm niệm.

2. Những biến đổi sinh lý ảnh hưởng đến tâm lý và nhân cách

a. Thời kỳ tiền dậy thì: 12–13 tuổi (nữ), 13 – 15 tuổi (nam)

- Tăng vọt về chiều cao (nh nhanh nhất từ 11 - 13, có thể tăng vọt từ 5 - 8 cm; và sẽ ngưng chiều cao ở tuổi 18).
- Dấu hiệu sinh dục bắt đầu xuất hiện.
- Trẻ dưới 8 tuổi mặc dù cơ quan sinh dục trong và ngoài của nam và nữ đã có sự phân biệt, nhưng giới tính chưa phân biệt một cách trọn vẹn do công năng của tuyến sinh dục nam nữ ở trong trạng thái bị ức chế, nồng độ hoóc-môn sinh dục trong cơ thể còn rất thấp.
- Sau 11 tuổi, đặc trưng giới tính của trẻ em gái dần dần phát triển.

Đây là thời kỳ chuyển biến toàn thể con người cả về thể chất, sinh lý và tâm lý cũng như sự xuất hiện kích thích cơ quan sinh dục. Giai đoạn này thường bị hoang mang, khủng hoảng tâm lý khi chưa được trang bị kiến thức cần hiểu biết. Đây cũng là giai đoạn chuyển tiếp từ thiếu niên sang người lớn. Cùng với sự thay đổi đột ngột thể lý sinh lý, khám phá khoái cảm nơi cơ quan sinh dục, tuổi này cũng cảm giác thấy sự thay đổi mức tình cảm bên trong rất mạnh mẽ.

Xét về mặt xã hội, tuổi này thích băng nhóm, tụ họp cùng giới với nhau, có thái độ đối kháng (gia đình, xã hội). Nhưng đây cũng là thời của tình bạn thân thiết, hướng tới tình yêu đôi lứa, và cũng là thời của khủng hoảng học đường.

Những dấu hiệu chuẩn bị cho khủng hoảng đặc thù của tuổi thanh niên. Cùng lúc lứa tuổi này khám phá ra sự hấp dẫn của người khác phái với tâm trạng vừa lo sợ và vừa khát khao. Chuyển tiếp qua thời kỳ tính dục khác giới không phải lúc nào cũng dễ dàng. Dần dần, ở đây có thể có những định hình, tiến hoặc thoái bộ.

b. Thời kỳ dậy thì chính thức: 13 – 18 tuổi (Nữ), 15 -20 tuổi (nam)

- Thông thường nữ giới thấy kinh nguyệt lần đầu ở tuổi 13; nhưng 2 năm đến 5 năm sau mới có hiện tượng rụng trứng. Do đó, công năng sinh dục bắt đầu hoàn thiện. Sự phát triển đặc trưng giới tính nữ từ khi bắt đầu cho đến khi phát dục hoàn toàn mất khoảng 4 năm.

- Thời gian bắt đầu dậy thì khác nhau ở mỗi người do:

+ Yếu tố di truyền

+ Sức khỏe

+ Môi trường

- + Khí hậu, độ cao so với mặt biển
- + Điều kiện kinh tế
- + Thói quen vệ sinh
- + Chế độ dinh dưỡng
- Thông thường nữ dậy thì trước nam khoảng từ 1-2 tuổi.

c. Tuổi thanh niên (tiền trưởng thành):

tuổi từ 18- 25

- Giai đoạn này thể hiện tính chất phức tạp và nhiều mặt của hiện tượng.

Sự phức tạp được giới hạn ở hai mặt:  Sinh lý
Tâm lý

- Đây là giai đoạn khó khăn vì không phải lúc nào nhịp điệu phát triển tâm sinh lý cũng trùng hợp nhau. Sự trưởng thành sinh lý chưa hẳn đã trưởng thành về tâm lý, người trưởng thành không phải là người thích thì làm.
- Do sự phát triển của xã hội, điều kiện kinh tế, tuổi dậy thì của thế hệ trẻ hôm nay đến sớm hơn và cũng kết thúc sớm hơn. Do đó, tuổi thanh niên cũng bắt đầu và kết thúc sớm hơn khoảng 2 năm.
- Tuy nhiên, do vị trí xã hội, khối lượng tri thức, kỹ năng kỹ xảo nên sự trưởng thành cũng khác nhau ở mỗi người trong lứa tuổi này. Ví dụ: *một người ít tuổi nhưng tự lập sớm, hoạt động xã hội nhiều, giao tiếp nhiều cả về công việc lẫn đối tác... thì sẽ chững chạc và “khôn” hơn một người lớn tuổi hơn nhưng ít có tiếp xúc xã hội, hoặc cùng một lứa tuổi nhưng người sống ở thành phố sẽ khôn hơn người sống ở nông thôn...*

Đây là thời kỳ phát triển không xác định và được gọi là *một hiện tượng tâm lý xã hội*:

- Đã đạt được sự trưởng thành về thể lý, sự phát triển thể chất bước vào thời kỳ ổn định, cơ thể phát triển hài hoà, cân đối nhưng còn kém so với người lớn.

Những biến đổi này được thể hiện qua một số đặc điểm sau:

- Chiều cao, trọng lượng phát triển nhưng chậm lại.
- Hệ cơ, xương được iốt hóa, rắn chắc, nở nang, cân đối.

- Hệ tuần hoàn đi vào thời kì hoạt động bình thường. Sự mất cân đối giữa tim và mạch đã chấm dứt, trọng lượng não phát triển tương đương như người lớn. Suy luận chín chắn. Khả năng hưng phấn, ức chế ở vỏ não tăng lên rõ rệt.
- Tư duy ngôn ngữ, phẩm chất ý chí có điều kiện phát triển mạnh.
- Đã qua thời kỳ phát dục, giới tính biểu hiện rõ rệt về hình thức bên ngoài cũng như bên trong. Tuy nhiên, vẫn còn tính dễ bị kích thích, biểu hiện như tuổi thiếu niên, điều này hoàn toàn không do nguyên nhân sinh lý mà do cách sống của từng cá nhân.
- Có sức khỏe và sức chịu đựng tốt hơn tuổi thiếu niên. Thể chất đang ở độ tuổi phát triển mạnh mẽ và sung sức. “Tuổi mười bảy bẻ gãy sừng trâu”.

Đối với nam giới

- Tuổi dậy thì ở nam giới được đánh dấu bởi sản xuất tăng cao của các Gonadotropin, lúc đầu trong giấc ngủ và tăng cao suốt cả ngày, nồng độ testosterone có chiều hướng gia tăng. Sự sản xuất các gonadotropin tăng là do bài tiết GnRH⁶ tăng.
- Các thay đổi giải phẫu và chức năng trong thời kỳ này phụ thuộc vào nồng độ testosterone huyết tương, hệ sinh dục nam giới bắt đầu phát triển. Tiếng nói trầm do thanh quản phát triển, dây thanh âm dày lên, các mô liên kết, cơ bắp phát triển, đặc biệt vùng ngực và vai.
- Các quá trình phát triển đến một giai đoạn nhất định sẽ dừng lại, một khi tuổi dậy thì đã hoàn thành. Thông thường tuổi dậy thì bắt đầu ở tuổi 11-12 tuổi và kết thúc sau 4- 5 năm.

c. Tuổi 25-35: tuổi trưởng thành

- Tiếp theo giai đoạn dậy thì là giai đoạn trưởng thành của phái tính nam cũng như nữ.
- Đạt đến độ chín chắn trong suy nghĩ, tâm sinh lý khá ổn định. Đối với nam giới ở độ tuổi này năng lực làm việc cao, sung sức và thành công (*tam thập nhi lập*).
- Nhu cầu tình dục mạnh mẽ ở tuổi 25 và 35. Tuy nhiên ở tuổi 30, nhu cầu tình dục và các nhu cầu sinh lý khác lạng lẹ và êm ả hơn so với giới nữ.

Đối với nam giới:

- Đây là thời kỳ này phát huy đầy đủ các biểu hiện của nam tính và thời kỳ thuận lợi cho sinh sản.

⁶ Hormon giải phóng và ức chế hormon tăng trưởng, viết tắt là GH – GHRH và GHIH (Growth Hormone Releasing Hormone và Growth Hormone Inhibitory Hormone) Cả hai hormon đều là polypeptit và có 44 acid amin: (Tyr- Ala- Asp- Ala- Ile- Phe- Thr- Arn- Ser- Tyr- Arg- Lys- Val- Leu- Gly- Gln- Leu- Ser- Ala- Arg- Lys- Leu- Leu- Gln- Asp- Ile- Met- Ser- Arg- Gln- Gln- Gly- Gla- Ser- Asn- Gln- Glu- Arg- Gly- Ala- Arg- Ala- Arg- Leu- NH₂).

- Tuy nhiên, trong giai đoạn này các bệnh lý có thể xảy ra làm rối loạn sự bài tiết nội tiết tố, và gây ra những bệnh lý cho cơ thể biểu hiện từ vùng hạ đồi tuyến yên đến vùng cơ quan sinh sản như: hội chứng Cushing do rối loạn sản xuất hormone vỏ thượng thận gây gia tăng mãn tính hormone Glucocorticoid không kìm hãm là giảm tiết LH⁷ tại tuyến yên, bệnh lý tăng sản tuyến thượng thận bẩm sinh: kích thích Gonadotropin làm dậy thì sớm hoặc ức chế gây vô sinh, tăng prolactin làm giảm bài tiết LH và FSH⁸ (là hai tuyến nội tiết sinh dục) gây rối loạn chức năng tế bào Leydig⁹ và ống sinh tinh làm cản trở sự tạo ra tinh trùng, các bệnh lý tại tinh hoàn như tinh hoàn kém phát triển do dị tật bẩm sinh hay bệnh lý mắc phải nguyên nhân do viêm nhiễm, chấn thương... gây teo tinh hoàn.

Tuổi trưởng thành hoàn chỉnh ở nam giới là 20 đến 25, cơ thể không lớn thêm nữa. Ở tuổi này đặc điểm tính dục của nam giới mạnh mẽ nhất; nồng độ testosterone trong máu ở mức cao nhất (trung bình từ 10 đến 35 nanomol một lít) và sinh hoạt tình dục cũng mạnh mẽ nhất. Từ tuổi 30 trở đi, lượng bài tiết testosterone bắt đầu giảm sút nhưng hoạt động tình dục chưa suy giảm mà phải từ 40 tuổi trở đi mới có sự giảm sút rõ rệt. Việc chế tiết của tuyến tiền liệt và các bộ phận phụ khác ít hơn nên cũng ảnh hưởng đến tính dục nam.

Khác với phụ nữ, tinh hoàn của đàn ông sinh sản tinh trùng liên tục, chỉ ngừng lại khi người đó chết, không như hoạt động phóng noãn và nội tiết của phụ nữ (buồng trứng cạn kiệt nang noãn và người phụ nữ bước vào giai đoạn mãn kinh từ tuổi trên dưới 50). Tuy thế ở đàn ông lớn tuổi vẫn có tình trạng "mãn dục nam giới" mà biểu hiện chủ yếu về mặt sinh lý. Tuổi xuất hiện mãn dục nam không giống nhau mà tùy từng cá thể. Có người chưa đến 60 đã có hiện tượng mãn dục nhưng cũng có nhiều người ngoài 70 tuổi vẫn còn ham muốn và vẫn sinh hoạt tình dục bình thường. Tiêu chuẩn để đánh giá mãn dục nam là xét nghiệm testosterone thấp dưới mức bình thường.

e. Tuổi 35-45: Núi kéo tuổi xuân

- Độ tuổi này bắt đầu xuất hiện những biến động về sinh lý (*chu kỳ kinh nguyệt ở nữ giới*), dẫn đến biến động về tâm lý: mang nỗi sợ hãi của tuổi già, sợ bị bỏ rơi...
- Đặc biệt là ở tuổi 40 là tuổi sung sức trong yêu thương (tình dục). Vì thế, điều cần chú ý ở lứa tuổi này là nên tạo cho mình một nếp sống lành mạnh, lấy đời sống cầu nguyện làm chính yếu để tránh tìm sự bù đắp tình cảm nơi các vật khác.

f. Tuổi 45-50:

- Là giai đoạn chuyển tiếp lần hai trong đời sống sinh dục của phụ nữ, ***gọi là thời kỳ mãn kinh***.

⁷ LH (Luteinizing Hormone): Kích hoàng thể tố : Nội tiết tố

⁸ SH (Follicle Stimulating Hormone): Kích noãn bào tố: Nội tiết tố

⁹ Tế bào kẽ ở bộ phận sinh dục nam.

- Các nội tiết tố nữ (Estrogen & Progesterone) ngưng hoạt động, chấm dứt khả năng sinh sản.
- Mãn kinh tiến từ từ theo tuổi tác, qua hai giai đoạn:
 - + Tiền mãn kinh: Tuổi từ 45 – 50 (kéo dài từ 2-5 năm tùy từng người), do hoạt động buồng trứng suy giảm và sự mất cân bằng các nội tiết tố nữ, do đó kinh nguyệt không đều.
 - + Mãn kinh thực sự: (thường tuổi từ 50-55): buồng trứng ngưng hoạt động, ngưng các hoạt động của nội tiết tố nên tính tình thay đổi, dễ bực tức.¹⁰

Trường hợp ngoại lệ:

- Mãn kinh sớm trước 40 tuổi.
 - Mãn kinh muộn sau 50 tuổi do di truyền.
 - Mãn kinh sớm trước 40 tuổi do 3 yếu tố: Di truyền, tia Lazer hoặc rối loạn miễn dịch
 - Những rối loạn của thời kì mãn kinh:
 - + Kinh nguyệt: Vòng kinh dài, bất thường.
 - + Giảm ham muốn tình dục
 - + Có thể đi tiểu nhiều lần và khó
 - + Con bốc hỏa thỉnh thoảng xảy ra do rối loạn vật mạnh làm nóng vùng ngực, lưng, cổ, hay đỏ mặt, (đặc biệt về đêm), đổ mồ hôi, mất ngủ. Để phòng ngừa và ngăn chặn cơn bốc hỏa, cần lưu ý: uống nước lạnh khi thấy nó xuất hiện, tránh dùng chất kích thích, mặc quần áo thoáng mát, không nên đắp chăn dày quá khi ngủ.
 - + Tâm sinh lý đa dạng: Có người tính tình trở nên trầm mặc, lo âu, bồn chồn, chán nản, thường không hài lòng với môi trường sống, trạng thái dễ bị kích động, cáu gắt, các triệu chứng này kéo dài khoảng 2 năm là kết thúc.
 - + Giảm trí nhớ, tư duy kém hơn, hay lo lắng, hoảng sợ, căng thẳng, đa nghi, đổ kỵ, lãnh cảm...
 - + Tiêu hoá không tốt, huyết áp tăng giảm bất thường.
- ⇒ Trong đời sống cộng đoàn, chị em cần hiểu đúng tâm sinh lý của người đang trong giai đoạn này để giúp đỡ nhau, cùng nhau vượt qua khó khăn.

¹⁰ gia-dinh/go-roi/su-phat-trien-tinh-duc-o-nam-gioi-2516025.html

IV. MỤC TIÊU CỦA TÍNH DỤC

Khi học về mục tiêu của tính dục, tu sĩ chúng ta xác định rõ ràng rằng tính dục có mục tiêu chỉ dành cho đời sống hôn nhân. Còn chúng ta đã thánh hiến cho Thiên Chúa, chúng ta dâng hiến trọn vẹn thân xác linh hồn cho Ngài trong tự do và hiểu biết. Đó mới là giá trị hy sinh.

1. Mục tiêu thứ nhất của tính dục: vợ chồng KẾT HỢP, TƯƠNG TRỢ cho nhau.

- Sự kết hợp này không chỉ nhằm trên bình diện thể lý, sinh lý, nhưng quan trọng hơn là trên bình diện tâm linh. Vì tính dục không chỉ là khía cạnh của thân xác mà đã được ăn sâu vào tâm linh của con người.
- Tính dục đúng nghĩa phải là sự kết hợp giữa hai người khác phái trong sự ràng buộc của hôn nhân gia đình.
- Mọi sự kết hợp thân xác ngoài hôn nhân đều là bất hợp pháp.

2. Mục tiêu thứ hai của tính dục là SINH SẢN (truyền sinh).

- Ngay từ chương đầu, sách Sáng thế đã nói đến mục tiêu của tính dục là sinh sản: *“Hãy sinh sôi nảy nở cho đầy mặt đất.”* (St 1, 27-28)
- Một số tác giả của Cựu ước cũng nhắc tới điều này: x.Tv 127, 3-5; 128, 3-6; 1Sm 1, 20...

V. XU HƯỚNG TÍNH DỤC

- Xu hướng tính dục là sự hấp dẫn về mặt cấu trúc hay thể chất với một đối tượng thuộc một giới nào đó:
 - + Giới sinh học: cấu trúc gen, ngoại hình, nội tiết.
 - + Bản sắc giới: cảm nhận mình thuộc giới nam hay nữ.
 - + Vai trò xã hội của giới: hành vi cư xử theo kiểu giới nam hoặc nữ về mặt tâm lý xã hội.

Các xu hướng tính dục thường gặp:

- Xu hướng tính dục đồng giới: Khác với sự quý mến thuần túy. Dấu hiệu của xu hướng này là muốn chiếm đoạt, ghen tuông...
- Xu hướng tính dục khác giới
- Xu hướng tính dục lưỡng tính: hấp dẫn với cả hai giới
- Không hấp dẫn với giới nào: lãnh cảm, lãnh đạm (người có xu hướng này không thể sống đời sống thánh hiến).

QUAN ĐIỂM CỦA GIÁO HỘI VỀ TÍNH DỤC:

Trong *Tuyên ngôn về một số vấn đề liên quan đến đạo đức tính dục*, Bộ giáo Lý đức tin đã nhận định: “chính từ tính dục mà con người tiếp nhận các đặc tính mà, trên bình diện sinh học, tâm lý, và thiêng liêng, làm thành con người là nam hay là nữ, và qua đó chúng điều kiện hóa sự phát triển của người ấy hướng đến sự trưởng thành và sự hội nhập vào xã hội”. Nhưng “Trong giai đoạn hiện tại, sự tha hóa luân lý gia tăng, và một trong các dấu chỉ nghiêm trọng nhất của sự tha hóa này là sự tán dương tính dục một cách buông thả. Hơn nữa, qua các phương tiện truyền thông xã hội và qua các giải trí công cộng, sự tha hóa này đã lên đến mức xâm nhập vào lãnh vực giáo dục và gây ô nhiễm não trạng chung”¹¹.

Chúng ta cần phân biệt *xu hướng tính dục* khác với *hành vi tính dục*. Vì xu hướng tính dục đề cập đến cảm xúc, là sự cảm nhận về chính mình.

Giáo Hội muốn xác tín sâu xa rằng: Tính dục con người là một quà tặng biểu lộ cách chân thực trong sự dâng hiến hồ tương trọn vẹn và suốt đời của hai người khác phái trong hôn nhân... Tính dục con người sở hữu một chiều kích luân lý:

- Là một hành động đặt ý chí của một cá nhân vào tư thế phục vụ một cứu cánh.
- Nó không phải là một căn tính (không buộc), nói khác đi, nó xuất phát từ một hành động chứ không phải từ hữu thể dù một số xu hướng tính dục có thể mang những nguyên nhân sâu xa nơi nhân cách.

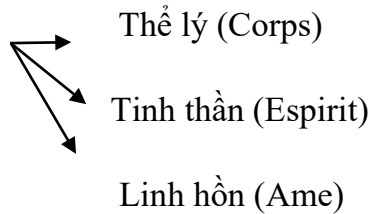
Chúng ta cần phân biệt *xu hướng tính dục* khác hành vi tính dục là xu hướng tính dục chỉ *đề cập đến cảm xúc và sự cảm nhận về chính mình*. Có người biểu lộ cũng có người giấu kín xu hướng tính dục trong hành vi của họ.

¹¹ Bộ Giáo lý Đức tin, *Tuyên ngôn về một số vấn đề liên quan đến đạo đức tính dục*, 1975.

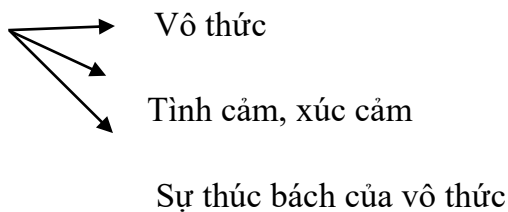
Phần II: TÍNH DỤC & NHÂN BẢN

I. TỰ NHIÊN – SIÊU NHIÊN

Con người theo quan điểm nhân học của thánh Phaolô, gồm:



- Con người là chủ thể của nhân linh nên mỗi người phải tuân thủ các “luân thường đạo lý”.
- Việc hình thành nhân cách chịu ảnh hưởng bởi:



Đời sống đức tin của chúng ta được nuôi dưỡng bằng ân sủng. Nhờ ân huệ siêu nhiên, chúng ta phát huy và nuôi dưỡng nhân cách một cách lành mạnh. Thánh Thomas Aquinô cho rằng : “Ân sủng phải được xây dựng trên tự nhiên.” Còn theo thánh Phaolô thì khả năng tinh thần, thể xác phải kết hợp và bổ túc bởi các năng lực xuất phát từ những yếu tố thể lý. Như thế chúng ta mới có một hiện hữu tốt đẹp.

Không chối bỏ giá trị của tính dục, nhưng chúng ta là con người ý thức nên ngay cả đời sống hôn nhân cũng cần làm chủ bản thân, làm chủ tính dục hầu có thể sống khiết tịnh trong bậc mình.

Đời sống thánh hiến của chúng ta phải hoàn toàn biểu lộ nhân cách tự chủ chính mình, không để tự do chiều theo xu hướng bản năng tính dục. Mỗi chúng ta tự hiến vì Nước Trời để minh chứng cho thế giới biết: Hôn nhân, thoả đáp tính dục tự nhiên không phải là con đường duy nhất đưa đến hạnh phúc con người. Càng ý thức để làm chủ, càng siêu thoát tự do trong Tình yêu Chúa và tha nhân và tiến đến hoàn thiện.

Chúng ta chỉ có thể tăng trưởng đời sống thiêng liêng khi chúng ta trưởng thành về tâm lý. Sức khoẻ thể lý cần nhưng không quyết định sự trưởng thành thiêng liêng. Sự yếu nhược tinh thần mới làm hạ thấp đời sống tâm linh. Vì thế chiều sâu đời sống tâm linh của mỗi người tùy thuộc vào sự viên mãn trong tương quan với Đức Kitô và với tha nhân. Sự tăng trưởng đời sống tâm linh luôn hệ tại ở việc phát triển tương quan với Chúa và với tha nhân.

Chúng ta thấy được quy luật này trong chiều kích Thập Giá: hướng Thượng và hướng tha. (Thanh dọc chỉ mối tương quan hướng về Chúa, thanh ngang chỉ mối tương quan với tha nhân)

Tiến trình thiêng liêng này giúp ta:

- Hướng đến hành động hơn lẫn tránh.
- Hướng đến hữu thể hơn vô thể.
- Hướng tới điểm tích cực hơn tiêu cực.

Như thế, ta *tự do từ bỏ sự tự do để hoàn toàn tự do*. Nghĩa là nếu chúng ta biết điều gì phải tránh thì cũng phải biết điều gì phải làm. Muốn từ bỏ thói quen xấu thì rõ ràng phải tập các nhân đức, phải biết rõ giá trị nội tại cũng như ngoại tại các tương quan, ý tưởng, tâm tình, cảm xúc và niềm vui phải có. Đời sống thiêng liêng hệ tại ở hai yếu tố: Tình yêu và Tự do.

Những trở ngại trong việc tăng trưởng tâm linh:

- Lệch lạc tâm lý
- Xao xuyên, đồ kỵ, bối rối, chán chường.

Những thái độ này gây xáo trộn trong tổ chức và việc định hướng các nhân lực; làm cho tác phong thiếu nhã nhặn, thanh tao; sức khoẻ tâm thần không ổn định làm ảnh hưởng không tốt đến bản thân và người xung quanh. Vì con người luôn mang yếu tố xã hội, “không ai là một hòn đảo”.

II. ĐỘNG LỰC NHÂN LINH

Là trạng thái năng lực và chuyển động trong một nhân cách được cấu thành bởi các cảm xúc thúc bách hay đam mê.

Tác phong cảm xúc bao gồm

- Phản ứng tự vệ
- Lo sợ, dè dặt, nghiêm khắc, cứng rắn
- Thân thiện, nồng nhiệt

Thái độ lạnh nhạt biểu lộ qua sự sợ hãi, xao xuyên, giận dữ. Ngược lại, thái độ thân thiện bộc lộ qua tình yêu, hồn nhiên, niềm vui và hy vọng.

Có ba loại năng động lực chính:

- **Năng lực tự bảo vệ** (năng lực sơ đẳng)

+ Hướng về việc bảo tồn và truyền đạt sự sống: đói, khát, phái tính. Có tính chất hữu cơ nhưng hàm chứa kinh nghiệm tâm lý rất mạnh. Ví dụ việc giảm các cơn đói đáp ứng nhu cầu tâm lý (được ăn thì vui), hoặc nếu một người có nhu cầu cao hơn (tình dục) mà không được đáp ứng thì thường tìm đến việc bù trừ bằng ăn uống.

Có thể nói THỨC ĂN và TÌNH YÊU (Food and Love) là những nhu cầu song song nhau vì chúng là những năng lực hữu cơ lớn nhất liên hệ tới sự bảo tồn và phát triển nhân sinh.

Có hai hình thức thường gặp trong năng lực tự bảo vệ:

+ Cơn đói giả tạo: khi con người cảm thấy thiếu tình thương, cô độc, lo âu, sợ hãi, một số người tỏ ra háu ăn và ăn vô độ.

+ Thúc bách phái tính: nhu cầu muốn được yêu thương, muốn được xoa dịu đau khổ, cô đơn nên cảm thấy gia tăng xung lực phái tính. Nếu cường độ sự thúc bách này tăng quá mạnh thì gây ra nhiều xung đột nội tâm và dẫn đến những hành động đáng trách.

- *Năng lực tự biểu thị*: cảm xúc và tình cảm

Thực chất là hai hình thức của năng động, tuy cả hai cùng bộc lộ nhưng không đồng nghĩa. Từ tình cảm có thể dẫn đến cảm xúc nhưng tự bản chất tình cảm không phải là cảm xúc.

Cảm xúc là sự ý thức về đối tượng theo sau một sự kích thích hoặc muốn tiến lại gần hoặc tránh xa đối tượng đó. Khi sự thúc bách này ảnh hưởng tới sinh hoạt thể lý sẽ dẫn tới biến đổi sinh lý, nhân cách và tác phong (dè dặt hay tự tin). Bản chất của cảm xúc là chuyển động riêng biệt và mãnh liệt, biểu thị qua:

+ Tình yêu (Love): là sự vui thích trong việc hiểu biết một đối tượng được coi là quý báu và là khuynh hướng đưa ta về đối tượng đó.

+ Thù hận (Haine): là sự ghê tởm và từ chối đến với một người mà ta không thể thích được.

+ Ước muốn: tìm kiếm một đối tượng mà mình yêu thích.

+ Đố kỵ: từ rầy, góm ghét và trốn tránh điều làm chúng ta không thích.

+ Niềm vui: Hứng khởi trong việc chiếm hữu được đối tượng yêu thích.

+ Đau khổ: là buồn phiền, chán nản do sự thiệt hại hay một sự dữ gây ra.

+ Hy vọng: Mong đợi một sự thiện có thể đạt đến.

- + Thất vọng: trước một sự thiện không thể đạt được hay một sự dữ đe dọa không thể tránh.
- + *Can đảm*: Chiến đấu với sự khó khăn hoặc có thể hoặc không thể vượt qua được.
- + *Sợ hãi*: là lùi lại trước một đe dọa nặng nề không thể chịu nổi.
- + *Tức giận*: Phản ứng trước bất đồng và nóng hện trước một sự cố mà ta cho là sự dữ đã bị khước từ nhưng không thể tránh được.

Sự khác biệt căn bản giữa xúc cảm và tình cảm đó là: Xúc cảm là những năng động phản ứng rất mạnh về phương diện tâm lý. Nó biểu thị ảnh hưởng hỗ tương và sự kết hợp giữa thể lý và tâm sinh lý của con người chúng ta dù tiềm ẩn hay ý thức về một kích tố thực sự. Trong khi đó, tình cảm biểu lộ cường độ kém hơn xúc cảm, bao gồm những tình trạng tinh thần như thoải mái hay khó chịu bất bình. Những tình trạng xuất phát từ nhiều lý do, có thể do tâm lý hoặc thể lý, có thể biết rõ nguyên nhân hoặc không biết ("*tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn*", trích bài thơ: **Chiều** của Xuân Diệu)¹².

Cảm xúc tự biểu thị mang tính tiêu cực nên rất nguy hại cho tinh thần, mất sức lực, làm hại đến hiệu năng phục vụ cho sự thiện. Vì vậy, với ơn Chúa, chúng ta hãy lấp đầy những khoảng trống cảm xúc bằng những nguyên động siêu nhiên. Hãy để tình yêu chính trực tác động mọi hoạt động nơi chúng ta. Tình yêu chính trực ấy chính là Đức Kitô.

- **Năng lực hướng dẫn** (năng động lực tự trị)

Năng lực này bao gồm:

- + Sự lựa chọn
- + Quyết định
- + Dự định
- + Quyết tâm

¹² Hôm nay trời nhẹ lên cao,
 Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn...
 Lá hồng rơi lặng ngổ thuôn
 Sương trinh rơi kín từ nguồn yêu thương.
 Trong hơi phiêu bạt còn vương má hồng.
 Nghe chùng gió ý qua sông,
 Hai bên lau lách thuyền không vắng bờ
 Không gian như có dây tơ
 Bước đi sẽ đứt động hồ sẽ tiêu
 Êm êm chiều ngán ngơ chiều
 Lòng không sao cả, hiu hiu khẽ buồn.

+ Hoài bão

Những yếu tố này biểu lộ đặc tính của những hành động cao quý nhất của chúng ta. Động năng tự lập xuất phát từ những chọn lựa của tự do. Dù cao quý cỡ nào, nó cũng bị ảnh hưởng bởi cảm xúc và có thể làm mờ tối tâm trí ta. Vì thế chúng ta phải làm chủ cảm xúc của mình.

III. NHỮNG DẤU HIỆU ẬU TRĨ

Những dấu hiệu ấu trĩ làm mờ nhân cách, đặc biệt là rất nguy hại khi phải đối diện với những thách đố về vấn đề tính dục:

1. Không biết mình:

Bất tri về chính mình là một dấu hiệu của ấu trĩ. Tình trạng này ngăn chặn hiệu năng cá vị và đời sống sung mãn trong Chúa Kitô.

Vậy người trưởng thành trước hết phải biết mình, trung thực trong suy nghĩ, trong lời nói và trong hành động, biết mình cần đến Chúa và cần đến tha nhân. Biết mình là ai? Bậc sống của mình và những điều kiện của bậc sống đó. Biết mình là tu sĩ, qua lời khấn mà ta được tự do chọn lựa, ta không thể cho phép mình sống tính dục khoái cảm như người bậc kết hôn gia đình.

2. Dồn nén ức chế

- Là hiện tượng vô thức loại bỏ thực tại làm bức dọc, khó chịu mà ta không muốn có.
- Dồn nén tức là cho phép các yếu tố vô thức được thống trị. Những người dồn nén một cách vô thức và thường xuyên thì sẽ lẩn tránh không dám đương đầu với các vấn đề. Điều đó đã thành thói quen và đã vượt qua sự kiểm soát của ý thức. Những dồn nén luôn gia tăng và quá mức có khuynh hướng làm tan rã cơ cấu nhân cách, và làm xáo trộn tác phong trong lĩnh vực tâm cảm. Những người dồn nén quá mức có nguy cơ lâm bệnh tâm thần hay trầm cảm.
- Cần phân biệt ức chế và tự chế. Tự chế là một hành vi kiểm soát có ý thức trong tư tưởng và hành động.

3. Giải biện (ngụy biện)

Đặc tính của giải biện là vị kỷ, chỉ nghĩ đến lợi ích của mình mà làm ngơ trước nhu cầu của người khác. Họ cố gắng bảo vệ lập trường của mình bằng mọi cách.

4. Bù trừ

Là phương cách tìm lại điều mà người ta cảm thấy thiếu vắng. Ví dụ: tham ăn là dấu hiệu bù trừ thiếu vắng tình thương. Nên trong cuộc sống, ta cần tìm cách hài lòng với những gì mình có, bởi *Chúa không bao giờ thua lòng quảng đại của ta*.

5. Đồng hoá

Là cách giải toả căng thẳng ở mức độ vô thức nhờ sự trung gian của các thành quả nơi người khác hay nhóm khác. Là sự gán ghép căn tính của mình vào người khác để được uy tín hay thế lực.

6. Phóng chuyển

Là cơ chế tự vệ bằng cách gán các khuyết điểm, nguyên động và tâm tình của chính mình cho người khác. Ngay cả việc gán ghép lỗi lầm của mình cho người khác. Đây là lối phóng chuyển thường gặp trong đời sống tu trì.

Nguyên nhân thúc giục ta gán ghép cho tha nhân những tư tưởng đen tối là do sự sợ hãi. Sự phóng chuyển thường bao hàm những phán đoán sai lầm, sự cứng cõi thường xuyên, sự trêu chọc độc hại, những chuyện đàm tiếu, tin đồn nhảm nhí cũng là những hình thức phóng dật cần phải tránh trong nhân cách.

7. Lẩn tránh

Là thu mình vào ốc đảo, sợ trách nhiệm, mặc cảm, tự ti, thích yên thân.

8. Mộng tưởng

Là hình thức thoái hồi: thói quen mộng tưởng ngay cả ban ngày. Thường xuất hiện vào thời kỳ đầu (đầu năm tập, đầu những năm khấn Dòng...), các giai đoạn chuyển tiếp hay giai đoạn căng thẳng.

Mộng tưởng bộc lộ tính vị kỷ, mơ mộng là vô kỷ luật và lười biếng, là một sự buông thả dễ chịu, sự phung phí thời giờ, gây trở ngại cho học tập, công việc và cầu nguyện.

9. Ảm ảnh

Là những ý tưởng ngoan cường và kỳ dị mà đương sự không có khả năng kiểm soát hay xua đuổi nên thường gây bối rối.

10. Mặc cảm tội lỗi

Xuất phát từ những tình trạng xao xuyến mù mờ và thường được xác định bởi những cảm xúc hơn là những dữ kiện trí tuệ của ý thức (lý trí). Người bối rối không có khả năng phân biệt giữa tình trạng thực sự và mặc cảm tội lỗi.

11. Xung động

Là quy về nhu cầu không thể cưỡng lại và vô lý, là cần phải thực hiện một vài hành động. Họ trở nên bối rối. Những người này dễ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động mê tín như xem tử vi, bói toán...

IV. RÈN LUYỆN KHẢ NĂNG KIỂM SOÁT CẢM XÚC

Sự kiểm soát cảm xúc của người trưởng thành chính là khả năng đo lường các đáp ứng cảm xúc thích hợp và các kích thích do hoàn cảnh tạo nên trong tương giao đối với người khác. Nghĩa là tự chủ và tiết độ vì phẩm cách này của chúng ta tùy thuộc vào sự quân bình nội tại và một cảm thức an thái đối với chính mình và tha nhân, tạo nên sự khiêm tốn, uyển chuyển và hoà nhã.

Vậy **tự chủ** là gì?

Tự chủ là chế ngự các khuynh hướng thái quá hay bất cập để tình cảm luôn quân bình và thuần phục, để tình cảm chịu sự kiểm soát của lý trí.

Tiết độ là gì?

Là khả năng tự chủ lòng ham muốn, khả năng điều hoà, tiết chế các khuynh hướng tạo quân bình tình cảm nơi con người chúng ta. Đặc điểm của tiết độ là quân bình hoá biểu lộ tình cảm.

Thất tình: Hỷ, Nộ, Ái, Ố, Ai, Cự, Dục

1. Hỷ tình và Ái tình : Lạc quan và bi quan.

a. Bi quan là cái nhìn sự việc lệch lạc, buồn sâu, chỉ thấy những điểm tiêu cực của sự việc.

- Tai hại của bi quan: Luôn mang tâm trạng buồn rầu, chán nản. Điều này không chỉ ảnh hưởng, làm hại cho bản thân mà còn gây ô nhiễm cho người sống chung quanh bằng những tiếng thở dài ngao ngán, lời chê bai, nét mặt ủ rũ. Tâm trạng này dẫn đến nguy hại cho thể lý (dễ rối loạn thần kinh) và tâm lý (đánh giá chủ quan, sai lạc).
- Cách chữa trị: Phải tìm tận căn nguyên nhân của nó là gì, nếu do thể lý thì phải đến bác sĩ; nếu do tâm lý thì phải tập thay đổi cách nhìn, tạo sự vui tươi.

b. Lạc quan là tính cách vui vẻ yêu đời. Người lạc quan bình tĩnh xử lý vấn đề một cách vô tư, không khinh thường cũng không quá quan trọng hoá, biết cân nhắc cẩn thận. Khi thi hành công việc họ hoàn tất cách vui tươi nhờ ý chí quả cảm.

- Lạc quan có 2 loại:

Lạc quan chính hiệu và lạc quan giả hiệu.

Lạc quan không phải là luôn nhìn đời cách dễ dãi, luôn cười cho xong chuyện, đầu óc vô tư như trẻ con.

- Rèn luyện tính lạc quan:

+ Giữ trí tuệ minh mẫn, dùng trí khôn để nhận xét kỹ càng, phán đoán chính xác về người khác, về các biến cố và sự việc.

+ Giữ cảm tính tinh tường: chế ngự tính nhạy cảm bằng sự thính lặng, thay đổi vị trí làm việc để trở về thế quân bình.

+ Giữ ý chí vững bền, tập kiên nhẫn và biết cố gắng liên tục.

+ Giữ sức khoẻ: một tâm hồn lành mạnh trong một thể chất tráng kiện.

+ Giữ nụ cười trên môi: là làm cho tâm hồn nhẹ nhàng, tạo thiện cảm cho người khác.

+ Sống tin tưởng phó thác.

+ Luyện nhân đức khiêm nhường, vì có khiêm nhường mới có bình an và vì bình an nên chúng ta mới lạc quan trong mọi hoàn cảnh cuộc sống.

2. Nộ tình và Ó tình: Giận dữ và hiền lành

a. Nóng giận

Là thái độ nóng giận bộc phát cả trong tâm hồn lẫn bên ngoài. Người nóng giận gân cổ nổi lên, nóng mặt, tim đập gấp ba lần người bình thường.

- Có hai loại nóng giận: Giận dữ (đấm đá, chửi rủa...) và giận hiền (giận ngầm, rầu rầu, khổ tâm...).

- Tai hại của nóng giận: sinh ra thù hằn, oán ghét, chia rẽ, bạo loạn, mất quân bình, mất khôn ngoan, tâm thần rối loạn, cản bước tiến trên đường tròn lành.

- Phương thế diệt trừ:

- + Về mặt thể chất: ăn uống chừng mực, tránh ăn chất kích thích, nóng nảy, siêng năng tắm rửa sạch sẽ.
- + Về mặt tinh thần: tập tự chủ, luyện nhân đức hiền hòa nhẫn nại.
- + Về mặt nội tâm: Cầu nguyện liên li và tập tính hiền lành theo gương Chúa Giêsu.

b. Hiền lành

Hiền lành là nhân đức luân lý, có đặc tính chế ngự và kìm hãm khuynh hướng nóng giận, giúp ta nhin nhục những điều trái ý và đối xử hòa nhã với mọi người.

Hiền lành nhờ ba yếu tố:

- Tự chủ: đề phòng và chế ngự xúc động của tính nóng nảy.
- Nhin nhục: chịu đựng nét xấu bất toàn của tha nhân.
- Sự tha thứ: khoan dung với mọi người, kể cả những người không có thiện cảm với ta.

Hiền lành giả hiệu: là hạng người có cử chỉ hiền hoà, khiêm nhu nhưng chỉ cần một lời nói khích là nổi xung lên, là hạng người nhu nhược.

3. Nhát sợ và Can đảm

a. Nhát sợ: gồm sợ hãi và nhát đảm.

- Sợ hãi là tình trạng lo âu trước một nguy hiểm thuộc tinh thần hay vật chất có thể xảy ra mà bản thân thấy không thể vượt qua nổi.
- Nhát đảm là hình thức của sợ hãi nhưng là sợ hãi xuất phát từ tinh thần.
- Nguyên nhân của nhát sợ:
 - + Thể lý: bệnh tật, dị thường nên sinh tự ti, mặc cảm, xấu hổ, sợ sệt và do thiếu sức khỏe, thay đổi cơ chế sinh lý, mất quân bình giữa tinh thần và cảm xúc.
 - + Tâm lý: do tính ham danh, tự ái, muốn được chú ý nhưng sợ bị phán đoán, muốn được biểu dương nhưng hoài nghi khả năng, mất tự chủ.
 - + Xã hội: làm nô lệ cho dư luận, sợ bị chỉ trích, sợ phát giác những khuyết điểm hoặc do được sinh ra trong một gia đình thiếu vắng tình yêu, luôn sống trong sợ hãi vì sự hăm đe, dọa nạt, hoặc do ảnh hưởng của môi trường học đường.
- Nguy hại của nhát sợ:
 - + Hại cơ thể: tái tím mặt, tim đập nhanh, run rẩy.

+ Hai trí tuệ: bị ám ảnh, phán đoán sai, quyết định mù quáng, óc tưởng tượng tự do hoành hành, làm nhụt chí, kiệt quệ khả năng tiến bộ của mình và làm ảnh hưởng đến đời sống cộng đoàn.

- Vượt thắng tính nhát sợ:

+ Tiêu cực: Không sống theo óc tưởng tượng, không phán đoán chủ quan, không sống theo dư luận.

+ Tích cực: Tăng cường giữ sức khỏe thể lý, tập thể dục thể thao, loại trừ sợ hãi bằng óc suy luận, bằng lý trí, cương quyết chiến thắng nhát đảm, kiên trì tín thác vào Chúa.

b. Can đảm

- Can đảm giúp con người mạnh mẽ trong tinh thần và có ý chí quyết vượt thắng mọi trở ngại để hoàn thành nhiệm vụ của mình. Can đảm là giữ mực trung dung giữa hai thái cực sợ hãi và táo bạo.

- Can đảm khác táo bạo. Can đảm là dám làm dám chịu, có trách nhiệm trước quyết định của mình, không nản chí trước thử thách gian nan. Ngược lại, táo bạo thì liều lĩnh, khinh thường, thiếu trách nhiệm.

- Lợi ích của can đảm

Can đảm giúp ta chấp nhận cuộc sống và biến lao khổ thành niềm vui, tạo hạnh phúc cho mình và mọi người. Can đảm giúp ý chí vững mạnh, thành công trong cuộc sống. Can đảm để chiến thắng ba thù (thế gian, ma quỷ, xác thịt), để bảo vệ và phát huy tài năng ân sủng Chúa ban, để theo Chúa và phục vụ Nước Trời (x. Mt 11, 12;

Lc 8, 23). Đức can đảm giúp ta vượt thắng những cám dỗ, sống trọn vẹn nhân đức Khiết Tĩnh, Vâng Phục và Khó Nghèo.

- Rèn luyện đức can đảm: Cương quyết chế ngự tính nhát sợ, tin tưởng vào ơn Chúa, cộng tác nỗ lực với ơn thánh của Ngài. Tập cho mình có tinh thần trách nhiệm, đối đầu với sự thật dù thất bại hay thành công, dù khuyết điểm yếu đuối, tập cho mình có tính tự tin, lạc quan.

V. TÍNH DỤC VÀ GIỚI LUẬT CỦA CHÚA

Tính dục tự bản chất là tốt, nhưng nó chỉ tốt trong đúng bậc sống của mình. Tính dục là ân huệ Thiên Chúa ban cho con người, nhưng trong một trật tự nhất định để bảo toàn sự trong sáng và cao đẹp nguyên thủy của nó.

Chỉ trong tình yêu hôn nhân chân chính, người ta mới được phép sử dụng và thoả mãn tính dục. Do vậy, những ai không có ơn gọi này hay không muốn kết hôn thực sự thì không được phép thoả mãn tính dục giới tính dưới bất kỳ hình thức nào. Vì thế, trong Thập Giới có hai điều răn nói về đời sống tính dục: *điều răn thứ sáu và điều răn thứ chín*.

1. Điều răn thứ sáu

Điều răn này cấm những tội dâm dục bề ngoài như nói năng, nhìn xem hay làm những điều dâm ô trái phép.

- Động lực thúc đẩy phạm điều răn thứ sáu:

+ Khát vọng dâm ô: là nghĩ tưởng, ước muốn thú vui xác thịt hoàn toàn ngoài mục đích giới tính mà Thiên Chúa ban cho con người thụ hưởng.

Vậy, để chu toàn ơn gọi hôn nhân và ca ngợi Thiên Chúa sáng tạo thì không có sự lẫn lộn giữa giới hạn được phép hưởng thú vui tình dục, và phạm vi không được phép tìm thú vui này.

Tội tà dâm sẽ đẩy đưa con người phạm các tội

- Tội ngoại tình: là vi phạm giao ước hôn phối.
- Tội thông dâm: là quan hệ tình dục với người không hoặc chưa kết hôn.
- Tội hiếp dâm: là cướp đoạt thân xác của phụ nữ để thoả mãn thú tính trái với ý muốn của nạn nhân.
- Tội bán dâm - mua dâm: biến người phụ nữ thành công cụ mua vui bất chính, làm thương tổn nghiêm trọng phẩm giá người phụ nữ.
- Tội loạn luân: là hình thức dâm loạn giữa những người cùng, cận huyết thông.

Hai hình thức nghịch điều răn thứ sáu

+ Bằng hành động: là trực tiếp làm những điều dâm ô, vô luân như hiếp dâm, thông dâm, ngoại tình, loạn luân, thủ dâm, mua bán dâm.

+ Bằng tư tưởng: là ước muốn những điều dâm ô (Mt 5, 27-28).

Ngoài hai hình thức trên còn có các hình thức khác như xem tranh ảnh, sách báo, phim, quảng cáo mang tính khêu gợi, dâm ô...

Điều răn thứ chín

Điều răn thứ chín cấm những tư tưởng, ước muốn nghịch đức trong sạch. Nó cũng có những động lực thúc đẩy như điều răn thứ sáu, cũng có hai hình thức phạm tội như nhau do nhục dục và cậy mình.

Tóm lại những điều cần trong hai điều răn về tội dâm dục

- Điều răn thứ sáu: cấm phạm tội ngoại tình với tất cả những gì nghịch lại với việc truyền sinh xứng hợp con người, như các tội bề ngoài phạm đến đức trong sạch.
- Điều răn thứ chín: cấm những tư tưởng, ước muốn nghịch đức trong sạch.

Có hai loại tội lỗi đức trong sạch

- Tự nhiên: tà dâm, ngoại dâm, hiếp dâm, loạn dâm, tục dâm, cưỡng dâm.
- Không tự nhiên: thủ dâm, ngược dâm, thú dâm.

Tất cả mọi tác động tự tìm thoả mãn nhục dục ngoài hôn nhân đều là tội trọng.

+ Tà dâm: là việc giao hợp giữa hai người chưa lập gia đình (mà không phải là giáo sĩ, tu sĩ hay cùng huyết thống).

+ Ngoại dâm (ngoại tình): là việc giao hợp với vợ hoặc chồng của người khác. Là một tội trọng không những lỗi đức trong sạch mà còn phạm đến đức công bằng trong hôn nhân.

Có hai loại ngoại tình:

- Ngoại tình đơn: quan hệ tình dục giữa một người có gia đình và một người chưa có gia đình.
- Ngoại tình kép: quan hệ tình dục giữa hai người đã có gia đình.

Các tội về dâm dục:

- Hiếp dâm: luôn luôn là một tội trọng phạm đến đức trong sạch và đức công bằng khi nạn nhân bị hiếp đã tỏ ra chống đối cả bề trong lẫn bề ngoài.
- Ấu dâm: là tội giao hợp với trẻ em. Chúng ta thường hiểu và gọi đây là tội lạm dụng tình dục trẻ em.

Hiện nay, vấn đề nhức nhối nhất đối với xã hội mọi nơi trên thế giới và cả trong giới tu trì chính là sự bùng nổ thông tin về các trường hợp lạm dụng tình dục trẻ em. Mới đây, Trung tâm Phòng chống Tai nạn Thương tích Trẻ em (CAIP) định nghĩa lại khái niệm về ấu dâm. Theo đó, ấu dâm là một chứng rối loạn tình dục bao gồm những ham muốn tình dục đối với trẻ em dưới tuổi vị thành niên (dưới 14 tuổi). Đa số người mắc ấu dâm là nam. Người mắc bệnh phải ít nhất 16 tuổi và lớn hơn trẻ bị hại ít nhất 5 tuổi. Không phải ai mắc bệnh ấu dâm cũng có hành vi xâm hại tình dục trẻ em hay cứ có hành vi tình dục với trẻ em thì là ấu dâm¹³.

¹³ <http://kynangantoan.com/knowledge/trung-tam-phong-chong-tai-nan-thuong-tich-4>

Giáo hội không dung thứ cho tội xâm hại tình dục trẻ em. Năm 2013, Đức Giáo hoàng Phanxicô đã thành lập Ủy ban Bảo vệ Trẻ em, để nhắc nhở mọi thành phần dân Chúa ý thức vai trò bảo vệ trẻ em tiến triển trong đức tin và đức ái Kitô giáo cũng như phòng tránh hành vi thể tục nghịch đạo lý con người đang tới mức cảnh báo của thế giới. Trong khóa thường huấn các linh mục trẻ tại Buôn Mê Thuật, Cha Micae Trần Minh Huy, Pss đã nêu ra rất rõ ràng thực tế phũ phàng của nạn lạm dụng tình dục¹⁴. Bệnh ấu dâm không phải là căn bệnh chỉ thấy nơi người sống độc thân, mà cả nơi những người đã lập gia đình, chung quanh gia đình và các cơ cấu xã hội, như thống kê 2% minh chứng. Căn bệnh này không chọn lựa đối tượng đặc thù, nhưng khi có điều kiện môi trường hay do bất trắc tâm lý, thì nó sẽ bộc lộ ra trong suy nghĩ và hành vi.¹⁵

- Chỉ trong vòng 2 năm 2011 đến 2012, ĐGH Biển Đức XVI đã sa thải gần 400 linh mục vì xâm hại tình dục trẻ em. Theo số liệu thống kê mới nhất của Giáo Hội năm 2012, có khoảng 414.000 linh mục Công giáo trên toàn thế giới, trong đó khoảng 2% là những kẻ lạm dụng tình dục'. Chính ĐTC Phanxicô đã tuyên bố: “Nhiều người trong số cộng tác viên của tôi đã cùng tôi chiến đấu chống lại tội ấu dâm trấn an tôi với số liệu thống kê đáng tin cậy về mức độ ấu dâm trong Giáo Hội là khoảng 2%’, mà ngài coi đó là một thứ ‘phung hủi trong nhà của chúng tôi’[11].
- Cường dâm: Là bắt người khác (dù nam hay nữ, còn độc thân hay đã có gia đình) phạm tội xác thịt với mình. Là tội trọng, lỗi đức công bằng và đức trong sạch.
- Loạn dâm: Là việc giao hợp giữa hai người có cùng quan hệ huyết nhục với nhau, hoặc gần hoặc xa. Là tội trọng lỗi đức công bằng, đức trong sạch và nhân nghĩa.
- Tục dâm: Là việc phạm đến một người đã được thánh hiến cho Chúa, hoặc đến một nơi thánh, một vật thánh bằng tội nghịch đức trong sạch. Đây là một tội trọng kèm theo tội nghịch đức thờ phượng (tội phạm thánh).
- Thủ dâm: Là tự ý làm cho bộ phận sinh dục mình bị kích thích đến tột cùng, tự thỏa mãn khát vọng tình dục.
- Phản dâm: Là việc giao hợp giữa hai người cùng giới (đồng tính) hay giữa hai người khác phái nhưng qua đường hậu môn.
- Thú dâm: Là việc giao cấu với thú vật, đây là một tội ghê tởm nhất, hoàn toàn đánh mất nhân phẩm.
- Kích dâm: Là việc dùng các phương thế để kích thích các bộ phận sinh dục của mình hay của người khác, dù chưa đi đến mức quan hệ tình dục
- Khiêu dâm: trưng bày, phổ biến các hình ảnh, phim và các hình thức khác nhằm kích thích tình dục.
- Nội dâm: Là việc nghĩ tưởng đến hay ước ao phạm tội dâm dục.
- Hoang dâm: Là việc làm thực sự hay tưởng tượng cho mình kích thích tình dục dù bất lực hay bất bình thường về sinh lý bằng các hình thức bạo lực dâm, khổ nhục dâm, vật thể

¹⁴ Cf. Cha Micae Trần Minh Huy, Pss, *Thường huấn các linh mục trẻ tại Buôn Mê thuật* ngày 22-25/08/2016, từ trang 92-125.

¹⁵ Idem.

dâm và đồng tính dâm. Nếu tác nhân còn là một người bình thường, có trí khôn và ước muốn thì cũng thành tội trọng.

- Đồng tính: yêu hay quan hệ tình dục với người cùng giới. Đây là hành vi lệch lạc, nghịch với luật tự nhiên. Đây là một trọng tội.¹⁶

VI. TÍNH DỤC VÀ QUAN ĐIỂM CỦA GIÁO HỘI

Không nên đồng nghĩa kinh nghiệm tôn giáo với tính dục nhân bản, vì kinh nghiệm tôn giáo luôn vượt lên trên bất cứ phạm trù đặc thù nào của kinh nghiệm nhân bản. Tránh theo chiều hướng cho rằng tính dục có thể giải thích gần như mọi sự của đời sống con người, nhưng tính dục chỉ là một khía cạnh dù nó ảnh hưởng. Nó không phải là giải thích duy nhất cho tính toàn diện của kinh nghiệm nhân bản.

Quan điểm Kitô giáo dựa trên nền tảng Thánh Kinh là trân trọng sự thánh thiêng của hôn nhân theo giao ước tình yêu giữa Thiên Chúa với Dân Người. Nhưng con đường hôn nhân không phải là con đường duy nhất trong Giáo hội.

Quan điểm toàn bộ về tính dục là một quan điểm tôn giáo vì tính dục chứa trong mình nhiều yếu tố sâu sắc và màu nhiệm hướng tới Thiên Chúa. Giáo hội luôn giữ vững lập trường bảo vệ giá trị chân chính của tính dục, cũng không làm lơ trước những con người quá dễ dãi hay buông thả dẫn đến sai lạc luân lý¹⁷.

Vào năm 2012, Bộ Giáo Lý Đức Tin đã công bố một thông báo về cuốn sách của nữ tu Margaret A. Farley, RSM, có tựa đề *“Just love. A framework for christian sexual ethics”*, để lưu ý các tín hữu rằng tác phẩm này *“không phù hợp với giáo thuyết của Giáo Hội Công Giáo.”*

Do đó, nó không thể được sử dụng như là một sự diễn tả hợp thức giáo thuyết cho việc linh hướng và đào tạo, cho việc đối thoại đại kết và liên tôn”. Thông cáo, được ĐHY William Joseph Levada, Tổng trưởng Bộ Giáo Lý Đức Tin, ký và được Đức Thánh Cha chấp thuận.

Bộ đã nói với tác giả để chuyển cho tác giả một đánh giá sơ bộ về cuốn sách của tác giả và chỉ cho thấy những vấn đề giáo thuyết mà nó chứa đựng. Câu trả lời của nữ tu đã không thỏa mãn, vì thế Bộ đã thực hiện một thủ tục kiểm tra cấp bách. Sự đánh giá được thực hiện bởi một ủy ban các chuyên viên, nhóm họp vào năm 2011, đã xác nhận rằng *cuốn sách này chứa đựng “những khẳng định sai lầm, mà việc phổ biến nó có nguy cơ làm tổn hại nghiêm trọng đến các tín hữu”*. Danh sách những khẳng định sai lầm được chuyển đến cho tác giả để mời gọi tác giả sửa chữa chúng. Theo các thành viên của Bộ, câu trả lời của nữ tu Farley *“không làm sáng tỏ cách thích đáng những vấn đề nghiêm trọng được chứa đựng trong cuốn sách”*. Chính vì thế, họ đã quyết định tiến hành công bố thông báo này với những trích đoạn sau:

¹⁶ St 19:1-13; Lê-vi-ký 18:22; Rm 1:26-27; 1 Cr 6:9). Rôma 1:26-27: đồng tính luyến ái là hậu quả của sự từ chối và bất tuân mệnh lệnh của Thiên Chúa. Giáo hội rất kiên nhẫn với những người mắc tội này (GLHTCG số 2359).

¹⁷ Xem Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II, *Hiến Chế Mục vụ về Giáo Hội trong thế giới hiện đại*, *Gaudium et Spes*, 47.

“Tác giả không hiểu đúng vai trò của Huấn quyền của Giáo Hội, như là giáo huấn có thẩm quyền của các Giám mục hiệp thông với Đấng kế vị thánh Phêrô, giáo huấn mà hướng dẫn sự hiểu biết Lời Chúa như được gặp thấy trong Thánh Kinh, một sự hiểu biết luôn được Giáo Hội đào sâu hơn... Nữ tu Farley không biết đến giáo huấn chắc chắn của Huấn quyền hay xem giáo huấn này như là một ý kiến trong số các ý kiến khác, khi nữ tu có cơ hội đề cập nó... Nữ tu cũng biểu lộ một sự hiểu biết sai lệch về bản chất khách quan của luật luân lý tự nhiên.

“Trong nhiều sai lầm và những hàm hồ của cuốn sách, có những lập trường về thủ dâm, các hành vi đồng tính, các kết hôn đồng tính, tính phân khả phân ly của hôn nhân và vấn đề ly dị và tái hôn”.

Nữ tu Farley cho rằng nói chung thủ dâm không đặt ra bất kỳ vấn đề luân lý nào, một khẳng định không phù hợp với giáo lý Công giáo: “Trong đường hướng của một truyền thống lâu bền, cả Huấn quyền của Giáo Hội lẫn cảm thức luân lý của các tín hữu đã không do dự khẳng định rằng, thủ dâm là một hành vi hỗn loạn tự nội và nghiêm trọng... Người ta tìm khoái lạc sắc dục bên ngoài quan hệ tính dục được đòi hỏi bởi trật tự luân lý, mối quan hệ mà thể hiện, trong khung cảnh của một tình yêu đích thực, ý nghĩa toàn vẹn của việc trao hiến hỗ tương và của việc sinh sản con cái” (GLGHC, 2352). Nữ tu còn viết: “Theo quan điểm của tôi..., các quan hệ và các hành vi đồng tính có thể được biện minh, phù hợp với chính đạo đức tính dục, như các quan hệ và các hành vi khác giới...”. Ý kiến này không thể chấp nhận được. Trên thực tế, Giáo Hội Công Giáo phân biệt giữa những người biểu lộ các khuynh hướng đồng tính và các hành vi đồng tính. Liên quan đến những người có khuynh hướng đồng tính, sách GLGHC dạy rằng họ phải được đón tiếp “cách tôn trọng, thông cảm và tế nhị. Người ta phải tránh tất cả những dấu hiệu của sự kỳ thị bất công đối với họ” (Số 2358).

Trái lại, liên quan đến các hành vi đồng tính, sách Giáo Lý GHC khẳng định: “Dựa vào Thánh Kinh, vốn lên án những quan hệ đồng tính như là những hành vi suy đồi nghiêm trọng, Truyền Thống đã luôn luôn tuyên bố rằng các hành vi đồng tính là hỗn loạn tự nội. Chúng trái ngược với luật bản nhiên. Chúng đóng cửa không cho hành vi tính dục ban tặng sự sống. Chúng không xuất phát từ một sự bỏ tức tình cảm và tính dục đích thực. Chúng không thể được chấp nhận trong bất cứ trường hợp nào” (số 2357).

Còn về lập trường của nữ tu Farley liên quan đến hôn nhân đồng tính, thông báo nhắc lại rằng “Giáo Hội dạy rằng lòng tôn trọng đối với những người đồng tính không thể bằng bất cứ cách nào dẫn đến... việc nhìn nhận về mặt pháp lý những kết hôn đồng tính. Công ích đòi hỏi rằng các luật lệ nhìn nhận, nâng đỡ và bảo vệ sự kết hiệp hôn nhân như là nền tảng của gia đình, tế bào đầu tiên của xã hội... Việc không ban cương vị xã hội và pháp lý của hôn nhân cho những hình thức sống mà không thể là hôn nhân, là không mâu thuẫn với sự công bằng. Trái lại, chính đức công bằng đòi hỏi điều đó”.

Nữ tu Farley viết : “Lập trường cá nhân của tôi là: sự cam kết hôn nhân phải chịu sự phân ly” ... Lập trường này mâu thuẫn với giáo lý Công giáo liên quan đến tính bất khả phân ly của hôn

nhân: Do chính bản chất của nó, tình yêu hôn nhân đòi hỏi vợ chồng một sự trung tín bất khả xâm phạm. Điều này là hệ quả của việc trao hiến chính bản thân họ mà vợ chồng thực hiện cho nhau. Tình yêu đòi hỏi chung thủy, không thể chỉ trung thành “cho đến khi có lệnh mới”. Sự kết hợp thân mật này, sự trao ban hỗ tương của hai nhân vị, và lợi ích của con cái họ, đòi phải có sự trung tín trọn vẹn của hai vợ chồng và đòi buộc phải có sự hiệp nhất bất khả phân ly... (số 1646). “Chúa Giêsu đã nhấn mạnh đến ý định nguyên thủy của Đấng Tạo Hóa muốn một hôn nhân bất khả phân ly. Ngài đã hủy bỏ những sự dung thứ đã lọt vào luật cũ” (Số 2382).

Theo nữ tu Farley, những người ly dị có thể tái hôn. Lối tiếp cận này mâu thuẫn với giáo huấn Công giáo loại trừ khả năng tái hôn sau ly dị... “Trung thành với lời dạy của Chúa Kitô ‘Ai ruồng rẫy vợ mình và cưới lấy người khác thì phạm tội ngoại tình...’, Giáo Hội khẳng định rằng Giáo Hội không thể nhìn nhận như là thành hiệu một kết hôn mới, nếu hôn nhân đầu tiên đã thành hiệu” (Số 1650).

“Qua thông báo này, Bộ bày tỏ sự tiếc nuối sâu xa về những gì mà một thành viên của một dòng sống thánh hiến... khẳng định những lập trường mâu thuẫn trực tiếp với giáo lý Công giáo về luân lý tính dục... Và lại, Bộ mong muốn khích lệ các thần học gia để họ tiếp tục nhiệm vụ nghiên cứu và giảng dạy thần học luân lý hoàn toàn phù hợp với những nguyên tắc của giáo lý Công giáo”.

Phần III

TÍNH DỤC VÀ ĐỜI SỐNG KHIẾT TỊNH CỦA NGƯỜI TU SĨ

Dù sống đời độc thân thánh hiến nhưng tu sĩ chúng ta chỉ có thể giữ gìn và phát huy lòng tự trọng lành mạnh nếu chúng ta biết chấp nhận, trân trọng và bảo vệ giới tính của mình.

Ai mơ hồ về giới tính thì cũng mơ hồ về nhân cách. Nếu xem thường và phủ nhận tính dục, chẳng những không đem lại lợi ích cho đời thánh hiến mà còn gây nên những bất trắc của cảm xúc, thiếu trưởng thành, dồn nén, ức chế, làm có cho nguyên động lực của tính dục, huỷ hoại bản thân và làm mất sự thánh thiện của cộng đoàn.

Người tu sĩ sống đời độc thân thánh hiến chỉ có thể sống Đức Khiết Tịnh một cách ý nghĩa khi chúng ta có khả năng phát triển tình yêu thương hoà đồng trong cộng đoàn, nếu chúng ta biết chấp nhận bản chất nhân loại trọn vẹn của ta, kể cả tính dục.

Đời sống chúng ta độc thân thánh hiến vì Nước Trời sẽ phản chiếu khả năng yêu thương mà Thiên Chúa dành cho nhân loại. Như thế, tính dục không chỉ nhằm tới khoái lạc và sinh sản mà còn giữ vai trò trong việc hoàn thiện tâm linh và hạnh phúc tinh thần nên nó vượt trên khoái cảm thân xác. Sự trung tín trong việc tuân giữ lời khấn Khiết tịnh không phải là sự đè nén tính dục nhưng là biết chấp nhận, thăng hoa và thánh hoá tính dục. Qua cách sống thánh hiến khiết tịnh, chúng ta làm cho tính dục có một giá trị cao cả hơn, ý nghĩa trôi vượt hơn và mang chiều kích siêu thoát hơn. Lỗi lời khấn Khiết tịnh là lỗi tới bản thân mình, đồng thời phản bội lại Đấng đã kết ước với mình.

I. QUAN NIỆM VỀ ĐỘC THÂN THÁNH HIẾN

1. QUAN NIỆM TIÊU CỰC

Phải chăng độc thân thánh hiến là không lập gia đình, là ở một mình?

Độc thân thánh hiến không phải là ở một mình vì có nhiều người ở một mình nhưng chưa hẳn là sống độc thân thánh hiến. Ngược lại, người sống đời độc thân thánh hiến không sống một mình nhưng sống với người khác trong đời sống cộng đoàn.

Độc thân thánh hiến không chỉ là không kết hôn mà còn thánh hoá và tự nguyện từ bỏ tính dục sinh dục. Tuy nhiên, độc thân thánh hiến và kết hôn loại trừ nhau nhưng không đối lập nhau.

Người tu sĩ sống độc thân thánh hiến không phải là sống đơn lẻ. Nếu nghĩ mình đang đơn lẻ nghĩa là đang chờ đợi và sẵn sàng kết hôn. Nhưng tu sĩ sống độc thân thánh hiến vui tươi trong bậc sống của mình, với cộng đoàn và với tha nhân trong sự kết hợp thân mật với Đức Kitô.

Như thế, nếu cho rằng độc thân thánh hiến là không kết hôn, là đơn lẻ, là sống một mình, đó là một quan niệm hoàn toàn mang tính tiêu cực. Cần loại bỏ ý nghĩ này.

2. QUAN NIỆM TÍCH CỰC

Chúng ta phải nhìn nhận độc thân thánh hiến một cách tích cực hơn. Nó không phải là “KHÔNG”.... nữa mà là “LÀ”... sống chủ động, tích cực và làm chủ bản thân.

Người tu sĩ sống Độc Thân Thánh Hiến là một chọn lựa đời sống tích cực, sống Khiết tịnh vì Nước Trời¹⁸, là tự hiến thân mình như món quà ân sủng đặc biệt được quý chuộng dành cho Thiên Chúa và phần rỗi các linh hồn¹⁹. Đời sống độc thân thánh hiến giải thoát con tim người tu sĩ giúp họ trở nên thanh khiết trong lòng kính mến Chúa và yêu thương tha nhân (1Cr 7, 32-35). Tu sĩ từ bỏ việc hôn nhân để hoàn toàn thuộc về Thiên Chúa cả hồn lẫn xác. Nên đời Độc Thân Thánh Hiến của người tu sĩ là biểu tượng cho lợi ích trên trời, là phương tiện hữu hiệu nhất để phục vụ Chúa và tha nhân. Đời độc thân thánh hiến là quà tặng ân sủng Thiên Chúa ban cho Cộng đoàn, nên ta phải luôn kết hợp với Chúa bằng trái tim không phân chia, hy sinh dâng hiến cả đời mình cho Thiên Chúa, dâng trọn vẹn cho Nước Chúa.

Lý do chính yếu để chúng ta chọn lựa đời độc thân thánh hiến là *vì Nước Trời*. Chúng ta chọn tất cả nhưng không giữ gì cho riêng mình. Vì Nước Trời, chúng ta **đánh đổi** tất cả: tự do, tiền tài, danh vọng để sở hữu một Nước Thiên Chúa mà thôi, để **nói không** với những cám dỗ, những cơn trớn của xác thịt. Người độc thân thánh hiến để Nước Trời cuốn hút, làm mình say mê, là quà tặng ân huệ của Thiên Chúa, là một chọn lựa tự nguyện, tự do, tiên quyết của đương sự cho một tình yêu không chia sẻ và mạnh mẽ hơn vì Đức Kitô và tình yêu các linh hồn.

Đời sống độc thân thánh hiến của chúng ta phải được trình bày một cách rõ ràng minh bạch, không hàm hồ và theo quan điểm tích cực, và được kỷ luật Giáo hội bao bọc.

Trước thách đố của xã hội hôm nay, người sống đời độc thân thánh hiến phải có sự trưởng thành về tính dục và tâm lý, một đời sống cầu nguyện nội tâm, một tương quan lành mạnh, để **tâm bất biến giữa dòng đời vạn biến**. Phải chuẩn bị cho mình có những chất “đề kháng” trước những mời gọi của khoái cảm, của tự do, của hưởng thụ, của mọi tấn công từ cuộc sống.

Đời độc thân thánh hiến của người tu sĩ hôm nay phải được hiểu trong tương giao tình yêu của con người đối với nhau, một tình yêu không độc hữu, không nhuộm màu sắc dục. Đó là tương quan đặc sủng với Thiên Chúa, với chính mình, với các phần tử trong cộng đoàn, với tha nhân mà chúng ta gặp gỡ trên đường đời và với thiên nhiên.

¹⁸ Xem Mt 19,12

¹⁹ Xem 1Cr 7,32

Tu sĩ sống khiết tịnh thánh hiến trong một xã hội tục hóa là lời kêu gọi làm chứng cho những đòi hỏi đích thực của nhân sinh, không đơn thuần là một sự tự chủ những xúc cảm tự nhiên để siêu thoát mà còn là khả năng yêu thương tròn đầy, không cứng nhắc quá nhưng cũng không dễ dãi quá. Chúng ta phải xây dựng các tương quan lành mạnh giúp ích cho đời sống thánh hiến mang ý nghĩa trọn vẹn.

Làm tâm trí mình trở nên rộng không để Tình Yêu Thiên Chúa ngự trị tràn đầy. Đời độc thân thánh hiến là giải thoát khỏi những ràng buộc thân xác, giải thoát để yêu thương một cách quảng đại và tự do hơn, yêu không nhằm sở hữu cho riêng mình, không nhục dục, nhưng luôn vui tươi, yêu tất cả mà không chiếm hữu riêng ai.

II. TÍNH DỤC VÀ ĐỜI SỐNG KHIẾT TỊNH THÁNH HIẾN

Nếu hiểu đúng bản chất của tính dục là giới tính mà mỗi người đều xác định rõ mình là nam hay là nữ; nếu hiểu được rằng “*tính dục là sự phong phú của toàn thể nhân vị*”²⁰ thì chúng ta sẽ thấy giá trị cao quý hơn của tính dục đã được thánh hoá nhờ đời sống khiết tịnh của những người được thánh hiến. Chối bỏ chiều kích luân lý của tính dục, chính là *chối bỏ sự tự do của nhân vị trong lãnh vực này*²¹. Nếu không hiểu đúng để sống đúng, tu sĩ dễ trở nên người yêu mình, sống ích kỷ, dễ theo xu hướng đi tìm khoái cảm tự kỷ (autoerotism).

Ta thường nói về người sống đời thánh hiến phải có một con tim không chia sẻ. Đúng là đòi hỏi Tin Mừng có tính triệt để đối với Lời khuyên Phúc âm của người môn đệ Đức Kitô²². Tình yêu thanh khiết của một con tim đã được thánh hiến thực sự không chia sẻ, nhưng tình yêu ấy phải được quy hướng về Đức Kitô. Không chạy theo lạc thú, nhưng tìm hoan lạc trong Thánh Thần, sống khiết tịnh với niềm vui và tự do dâng hiến cho Chúa để phục vụ các linh hồn.

Để có thể sống khiết tịnh trong thế giới đầy dẫy lời mời gọi con người tìm hưởng lạc thú, thiết nghĩ người tu sĩ chúng ta không thể ngây ngô, không hiểu biết khái niệm lạc thú là gì. Vì vậy, ta cũng nên đề cập xem thế nào là tính dục khoái cảm và phân biệt các mối tương giao thân thiện của chính mình với những người trong Giáo Hội và trong xã hội giữa thời đại hôm nay.

A. TÍNH DỤC KHOÁI CẢM

Như chúng ta khẳng định tính dục là một ân huệ Chúa ban cho ta, mang một chiều kích tích cực, lành mạnh của nhân cách. Nói đến tính dục khoái cảm là nói đến tính dục tình ý và tính dục sinh dục.

1. Tính dục tình ý.

²⁰ Sách GLGHC số 2332

²¹ Đức cha Silvano Maria Tomasi, quan sát viên thường trực của Tòa Thánh tại Liên Hiệp Quốc, đã khẳng định ngày 22/03/2011.

²² Xem Lc 9, 5-61 // Mt 8, 19-22

Tính dục tình ý là phần tình cảm của nhân cách, là khía cạnh liên hệ nhân bản gồm tính nhạy cảm, tế nhị và sự hiểu biết, sự đón nhận, sự nồng ấm, sự cảm kích, lòng trắc ẩn, sự nâng đỡ và sự chăm sóc. Tóm lại, tính dục tình ý biểu lộ cảm giác yêu mến, mang những đặc tính tinh thần xã hội, tính dễ xúc động.

Đặc tính này không chỉ dành cho tình yêu giới tính, nhưng ngay trong đời sống cộng đoàn, tính dục tình ý rất cần để chúng ta nâng đỡ nhau vượt qua những khó khăn của đời sống thánh hiến.

Người tu sĩ không sống tình yêu được thánh hoá qua đời sống cộng đoàn, thì sẽ cố tình tìm lại thứ cảm tình dục tính bản năng bên ngoài mà ta thường gọi là tính dục sinh dục.

2. Tính dục sinh dục

Tính dục sinh dục chính là tình dục, là liên quan đến kích thích hay sử dụng những bộ phận sinh dục của thân xác để làm thoả mãn những khoái cảm của thân xác. Có hai khía cạnh: Tình yêu sinh dục và ứng xử sinh dục.

- *Tình yêu sinh dục* là những ham muốn sinh dục, cảm giác, tư tưởng, tưởng tượng về chiều kích sinh dục nhưng chỉ ở trong tư tưởng chứ không được thể hiện ra bên ngoài. Tình yêu sinh dục có thể xảy ra tự nhiên hoặc có thể được thăng hoa.
- *Ứng xử sinh dục*: ước muốn được biểu lộ bằng hành vi
 - + *Thoả mãn*: làm thoả mãn những cảm giác sinh dục qua hành vi (x. 1Tx 4, 6-7)
 - + *Ức chế ước muốn sinh dục*: Cách thức xô ngã những cảm giác sinh dục vào vô thức, là cách thức chúng ta loại trừ nó khỏi ý thức những thúc đẩy cảm nghiệm, cảm giác làm xáo trộn tâm lý, là một sự cố tình không chú ý tới nó, gạt nó qua một bên.
 - + *Tự chế*: Dùng ý thức để hãm dẹp tất cả khuynh hướng sinh dục đang tấn công chúng ta.
 - + *Đàn áp*: Không cho hành vi xuất hiện, dùng ý thức để kiểm soát và kiềm chế một ý nghĩ, một cảm giác về sinh dục mà ta không chấp nhận nó. Dùng lý trí và có cân nhắc để không cho cảm giác sinh dục tác động trên ta.
 - + *Thăng hoa*: Là tiến trình của nghị lực tâm linh, chuyển biến những cảm giác không lành mạnh về tính dục trong ý nghĩ của chúng ta sang một ý nghĩa siêu thoát, thiêng liêng.

3. Khoái cảm

- a. ***Khoái cảm tinh thần***. Khoái cảm này nổi lên do sự vận hành trí tuệ của con người (trí năng và ý chí). Khoái cảm tinh thần khác với khoái cảm sinh dục.

b. **Khoái cảm giác quan**: do sự vận hành của ngũ quan: thị giác, xúc giác, thính giác, vị giác, khứu giác.

Có hai loại khoái cảm giác quan:

- *Khoái cảm giác quan đơn thuần*: nó nổi lên từ hoạt động giác quan và thường không liên quan đến khoái cảm sinh dục. Chúng ta không nên lẫn lộn khoái cảm giác quan và khoái cảm sinh dục.
- *Khoái cảm giác quan liên quan đến sinh dục*: những khoái cảm giác quan đơn thuần dẫn đến khoái cảm tình dục.

c. **Khoái cảm sinh dục**: nổi lên do sự kích thích cơ quan sinh dục. Có hai loại khoái cảm sinh dục: *được muốn trực tiếp* và *được muốn gián tiếp*.

- Khoái cảm sinh dục *được muốn trực tiếp*: khi chúng ta có mục đích chính của một hành động nhằm đưa lại khoái cảm sinh dục (chủ động tìm nhục dục). **Đây luôn luôn là một tội trọng.**
- Khoái cảm sinh dục *được muốn gián tiếp*: nếu khoái cảm này nổi lên như một *phó phẩm, một hệ quả tự nhiên* của một hành động không được trực tiếp muốn, nghĩa là không chủ ý gây nên khoái cảm sinh dục nhưng nó vẫn xảy ra và ta vô tình hưởng khoái cảm đó.

B. SỰ THÂN MẬT CỦA NGƯỜI SỐNG KHIẾT TỊNH THÁNH HIẾN

Là một con người với bản tính tự nhiên, người tu sĩ nam hay nữ cũng cần những nhu cầu thân mật tình cảm. Nhưng điều quan trọng là chúng ta cần biết chọn lựa những mối liên hệ lành mạnh và loại bỏ những liên hệ không chính đáng, không an toàn cho đời sống khiết tịnh thánh hiến.

Có hai loại thân mật trong đời sống thánh hiến: thân mật tinh thần và thân mật tình dục

- *Thân mật tinh thần* đặt nền tảng trên tình yêu, sự quý chuộng, và lòng tôn trọng, quan tâm hướng thiện.
- *Thân mật tình dục* là một tình yêu được biểu lộ trên thân xác, khoái cảm nhục dục và mang tính chiếm hữu.

Người tu sĩ sống đời độc thân thánh hiến nếu thiếu nhu cầu thân mật tinh thần để được nâng đỡ, được hướng dẫn sẽ đưa đến việc dễ dãi tìm kiếm hành vi tình dục nhằm bù trừ. Vì thế, trong đời sống độc thân thánh hiến, Giáo hội không cấm chúng ta tìm sự thân mật, nhưng cần lưu ý những điều sau đây trong sự thân mật của mình:

1. Không dành riêng

Thân mật của người sống thánh hiến phải luôn luôn là tình thân mật tinh thần, không dành riêng, mà phải mở rộng ra với mọi người, hy sinh phục vụ mọi người trong sự khôn ngoan, công bình và bác ái. Tình thân mật cần cho chúng ta trên đường tiến đức.

2. Không chiếm hữu

Sự thân mật không ghen tương, không so sánh, không chiếm đoạt mà chỉ biết giúp đỡ nhau trong tình yêu của Chúa. Hãy trải nghiệm bản thân, nếu có sự ghen tương vì thấy người khác đến với người mình quen biết rồi tưởng tượng và có khi dàn cảnh kết án. Đó là dấu chỉ của sự chiếm hữu đang nguy cơ bộc lộ tình dục.

3. Biện phân và lựa chọn

Cần biết phân biệt và lựa chọn ai là bạn đáng tin cậy. Nếu chúng ta biết cố gắng trân trọng thân mật với mọi người thì sẽ không cảm nghiệm sự thân mật với riêng ai. Muốn thế ta phải biết chọn lựa, nhưng chọn lựa không có nghĩa là chọn một ai đó cho riêng mình.

4. Biết giữ khoảng cách và sự riêng tư

Trong sự thân mật của người tu sĩ sống đời thánh hiến, chúng ta phải giữ khoảng cách đối với những liên hệ dù khác phái hay cùng phái để duy trì tình bạn. Cũng như trong đời sống cá nhân, tình bạn trong đời thánh hiến cũng cần có sự riêng tư, biết tôn trọng và bảo vệ sự riêng tư của nhau, tránh thái độ kiểm soát, nghi ngờ, tò mò và độc chiếm.

5. Luôn độc lập trong mối quan hệ

Dấu hiệu của sự trưởng thành trong tình bạn là tính độc lập trong thân thiện, không quá bắt cập nhưng cũng đừng thái quá.

6. Tránh đụng chạm

Một cách rất tự nhiên, khi thân mật thường có những đụng chạm, kể cả đụng chạm không sinh dục. Nếu chúng ta không thận trọng cũng sẽ dẫn đến những ứng xử sinh dục. Đụng chạm là khả năng Chúa ban để biểu lộ tình yêu, tình đầm ấm nhưng phải đúng nơi, đúng lúc, đúng bậc sống. Tránh đụng chạm thể lý vì nó đe dọa đến đức Khiết Tịnh. Đừng đùa với lửa vì lửa gần rơm lâu ngày cũng cháy.

7. Biết đối đầu cách khôn ngoan và trách nhiệm

Thân mật là cạm bẫy của đức Khiết Tịnh. Vì thế chúng ta phải đối đầu, nghĩa là phải diễn tả tình yêu, sự quan tâm của ta một cách trung dung nhất, tránh phê bình, chỉ trích, tránh quá dễ dãi và buông thả.

8. Biết cởi mở đúng mức và thận trọng

Trong sự thân mật đối với Cha giải tội, Cha linh hướng, Bề Trên, chị em trong cộng đoàn, bạn thân ta cần có sự cởi mở trung thực nhằm giúp nhau thăng tiến tình bạn và đời sống thiêng liêng.

Nhưng cũng phải rất cân nhắc khi cởi mở, cẩn trọng khi bộc bạch tâm tư với từ ngữ và cử chỉ có thể gây kích thích cho người đối diện, nhất là người khác phái sẽ dễ dẫn đến đồng cảm quá độ rồi sinh tình cảm và tìm dịp thỏa mãn tình dục.

9. Ý thức sống trung thành với ơn gọi

Dù thân thiện đến mức nào chúng ta phải luôn ý thức và quyết trung thành với ơn gọi, với Chúa, với Hội Dòng. Điều gì tốt phục vụ cho ơn gọi của ta thì không nhất thiết từ bỏ, nhưng cần quyết liệt loại bỏ những thân mật bất chính.

Đừng lấy chính thân xác đánh đổi danh dự bản thân và danh dự Hội Dòng. Thân thiện quá mức có thể vui trong một vài phút nhưng lại mang lấy nỗi hổ nhục cả đời.

III. TƯƠNG QUAN VỚI NGƯỜI KHÁC PHÁI

Đời sống người tu sĩ thánh hiến phải được tỏ hiện như một sự chọn lựa cho niềm vui Tin Mừng Phục Sinh. Chúng ta được kết hợp chặt chẽ với Đức Kitô, hoàn toàn tự do để trao hiến tình yêu cho Ngài bằng một trái tim không chia sẻ. Tình yêu ấy được biểu lộ trong tình huynh đệ cộng đoàn.

Nhìn vào mẫu gương Chúa Giêsu, là một con người hoàn toàn người, Chúa cũng đã có những tình bạn khác phái (Chị em Matta, Maria). Có thể nói rằng, họ như là một chỗ dựa, là niềm vui cho Ngài sau những ngày miệt mài rao giảng Tin Mừng. Nhưng điều khác biệt là Chúa đã đưa bạn bè của Ngài đi vào trong Thiên Tính của Ngài. Vì thế, trong tương quan bạn bè nói chung và với người khác phái nói riêng, chúng ta chỉ nên duy trì những mối liên hệ giúp ta có nghị lực thiêng liêng để trưởng thành hơn trong đời tu và đừng quên dẫn họ vào sự thân thiện với Chúa.

Ý thức rằng ta với họ là bạn bè của Chúa và trong Chúa, chúng ta sẽ không còn duy trì tình thân của con người nữa. Điều này không phải ai cũng làm được; nhưng nếu cứ để Chúa hướng dẫn ta trong đời sống cầu nguyện, suy niệm và khổ chế, luôn nghĩ về Hội Dòng thì chúng ta sẽ đạt được mục đích cao đẹp trong tương quan bạn bè.

Kinh nghiệm cho thấy, chúng ta ai cũng có liên hệ, nhưng thực sự chỉ có Chúa và đời sống cộng đoàn mới là mối liên hệ bất khả phân ly.

Ai cũng có công việc của mình, nếu mỗi người biết tôn trọng mình và tôn trọng người mình tương quan thì dù khác phái hay cùng phái cũng bớt đi mối nguy bất cập hoặc thái quá.

A. TƯƠNG QUAN GIỮA NAM TU VỚI NỮ TU

Thời đại của chúng ta có nhiều đổi thay. Ngày càng có nhiều dịp tiếp xúc của nam tu với nữ tu và với môi trường bên ngoài. Có rất nhiều nữ tu cũng đi học và có khi cộng tác với các linh mục hay với nam tu sĩ và có thể là các nam đan sĩ nữa trong công việc mục vụ.

Điều này là điểm nổi bật cho sự phát triển khả năng dần thân trong xã hội của nữ giới và sự tôn trọng nữ quyền. Vì biết bao đời trôi qua mà não trạng “nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”, quan điểm trọng nam khinh nữ đã ăn sâu trong con người, nên ngày 8/3 vẫn là ngày chờ đợi niềm vui của phụ nữ. Nhưng bên cạnh niềm vui thì có ngàn muôn thách đố dập diu để xô đổ đời sống khiết tịnh.

Chúng ta nên nhớ rằng “Đức khiết tịnh của chúng ta được chứa đựng trong bình sành dễ vỡ.” (2Cr 4, 7). Người ơi, thế gian ai đâu học được chữ ngờ. Vậy nên chúng ta cũng rất cần *cẩn trọng trong các mối tương quan*: với Cha đỡ đầu và với Anh, Chị, Em thiêng liêng...

Từ mối tương quan bình thường sẽ dễ tiến đến mối tương quan độc hữu → chiếm đoạt → muốn được thỏa mãn → dần dà chai lì lương tâm và tạo cho mình một vỏ bọc của “Đức khiết tịnh giả hình”.

- Cần giữ khoảng cách và một không gian an toàn khi giao tiếp. Nữ tu không nên liêu một mình gặp gỡ các đáng bậc, nhất là ở những nơi riêng tư, nên luôn có bên mình một thiên thần hộ mệnh là chị em của mình.
- Cần chuẩn bị đời sống thiêng liêng, quân bình về tình cảm, cởi mở chia sẻ cho chị em khi gặp khó khăn.
- Người tu sĩ dễ dàng bỏ đời sống cầu nguyện, không có tính cộng đoàn, bỏ bỏn phận thì cũng sẽ dễ dàng lỗi đức khiết tịnh (tìm sự bù trừ ngoài Chúa, ngoài cộng đoàn).
- Giữ trí óc và tâm hồn thanh thoát, không lệ thuộc vào tiền bạc, vì trên đời này không ai cho không ta cái gì. Hòa nhập nhưng đừng để mình bị hòa tan. Hãy luôn tạ ơn Chúa và chấp nhận hoàn cảnh của mình, của cộng đoàn và hoàn toàn tín thác vào Chúa (Mt 12, 17).
- Tình huynh đệ cộng đoàn là sức mạnh giúp ta bảo vệ đức khiết tịnh. Cần biết đối thoại thường xuyên trong một cuộc sống đa nguyên, đa diện; biết khích lệ nâng đỡ, hỗ trợ tinh thần, biết khôi hài để tạo niềm vui cho nhau.
- Cần loại trừ ngay mối quan hệ khi chúng ta thấy dấu hiệu của sự muốn chiếm hữu, ghen tương, độc quyền bởi đó là những dấu hiệu của một tình yêu sắc dục.

- Ý thức rằng sự thân mật là nhu cầu của con người nhưng không thực sự cần thiết cho đời sống thánh hiến. Thật vậy, đời sống thánh hiến không cần biểu lộ tình cảm có tính cách phái tính. Chúng ta học theo gương mẫu Chúa Ba Ngôi để can đảm vượt thắng.

Trong tình yêu khác phái, không có sự phân biệt tuổi tác, chức vụ. Nếu không để ý, ta dễ bị suy vong. Bởi thế, trong giao tiếp chúng ta cần chú ý:

+ Nơi chốn

+ Thời gian

+ Thời lượng

+ Khoảng cách và giới hạn cần thiết về thể lý cũng như tâm lý.

B. TƯƠNG QUAN VỚI NGƯỜI KHÁC PHÁI KHÔNG PHẢI LÀ TU SĨ

1. Tương quan với người khác phái không phải là giáo dân

Do nhu cầu mục vụ ở ngoài và việc học hành của người tu sĩ nam nữ, nên càng ngày chúng ta càng có nhiều mối liên hệ với người đời.

Mối liên hệ này thường rất phức tạp và dễ dàng bị chiếm đoạt vì chúng ta và họ không cùng niềm tin. Họ dễ dàng tấn công chúng ta, có nhiều mảnh lời mà chúng ta không lường trước được. Họ là những người “không có gì để mất”, không sợ tội nên rất nguy hiểm cho chúng ta. Tốt nhất là đừng bao giờ thiết lập những mối quan hệ thân thiện kiểu này.

Quý tu sĩ nam nữ cũng nên nhớ rằng có khi sự giúp đỡ, hay thiện cảm của họ dành cho chúng ta đầu tiên là ngay lành, nhưng sau rồi có thiện cảm, đồng cảm và sinh tình cảm, rất dễ dẫn đến tình yêu tình dục. Mối liên hệ này đưa đến nguy hiểm đe dọa đức khiết tịnh của ta. Đừng để họ cướp mất chúng ta và ta trở nên phản chứng Tin mừng.

Nếu vì hoàn cảnh hay vì nhiệm vụ mà ta buộc phải giao tiếp, chúng ta nên thận trọng, tỉnh táo và luôn giữ đời sống cầu nguyện để xin ơn Chúa đỡ nâng, gìn giữ. Hãy khiêm tốn cần đến sự giúp đỡ của cộng đoàn, đừng liều thân hoặc thiếu khôn ngoan khi gặp gỡ nhiều lần mà chỉ có một mình.

Các Hội dòng phải gửi một số thành viên đi xa học, có các cơ sở phải xây dựng, nên việc tiếp xúc với các người khác phái ngoài Công giáo càng nhiều, có khi họ là đại gia lắm tiền nhiều của, nay tặng cái này, mai biếu cái khác. Tu sĩ hay đơn sơ khi nghĩ rằng Hội dòng cần tiền làm việc nên không cần trọng mà bất chấp, họ cho gì cũng nhận. Cần có sự khôn ngoan để lượng định để đừng vì chút lợi lộc mà thiếu ý thức không làm chủ được chính mình.

2. Tương quan với người khác phải là giáo dân

Thời nay, ta vẫn nghe những lý do sa ngã vì tình yêu xác thịt, rồi bỏ đời tu của một số tu sĩ, kể cả khi tuổi đời không còn quá trẻ, và có khi đang giữ chức vụ này kia trong dòng. Khởi đầu thường chỉ là những lý do đơn giản, nhưng dần dà, tiến đến sự gần gũi thân mật quá đà với các đại gia là những giáo dân nhiều tiền lắm của. Trước hết, viện cớ là cần làm quen để giúp cộng đoàn chút đỉnh về vật chất, dần dà rồi sinh ra tình cảm yêu đương và đưa đến những kết cục thật nhục nhã với đời!

Để tránh bị lạm dụng hay rơi vào những quan hệ bất chính, chúng ta đừng níu kéo những mối tình đời hay đưa nó vào đời tu bằng những lưu luyến vẩn vương.

Phải luôn mang tâm thức sợ tội, yêu mến sự thánh thiện, yêu mến luật Giáo hội, luật Dòng, đề cao việc chăm sóc thân thể mình để luôn xứng đáng là đền thờ Chúa Thánh Thần. Tránh đề cao thân xác để trau chuốt vẻ đẹp bề ngoài mà làm có vấp phạm cho họ.

Một điều chúng ta luôn nhớ rằng: *“Lửa gần rơm lâu ngày sẽ bén”*, *“Sai một li đi một dặm”*. Vì thế, đừng nên duy trì và không được đáp ứng những gặp gỡ quá thời lượng không cần thiết, những cuộc gặp gỡ không thuộc phạm vi công tác mục vụ, những cuộc gặp gỡ riêng tư không có ai đi cùng, những cuộc gặp gỡ thân mật trong phòng ngủ...

Hãy bám lấy Chúa và gắn bó chặt chẽ với cộng đoàn. Hãy mau chỗi dậy nếu có lỡ vấp ngã, bởi *“Thánh nhân nào cũng có một quá khứ và tội nhân nào cũng một có tương lai”*.

IV. Gương Đức Trinh Nữ Maria

Suy niệm Tin Mừng Lc 1, 26-38.

Đời Mẹ đẹp tựa hoa sen

Giữa bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn

Ta phải luôn kết hợp mật thiết với Chúa Kitô, noi gương Mẹ Maria bằng đức tin, bằng trái tim không phân chia. Hy sinh trọn vẹn cho Chúa và Nước trời. Mẹ là mẫu gương quy hướng trọn vẹn về Chúa Kitô và toàn tâm toàn ý vì Người.

Kết luận:

Làm sao mỗi anh chị em sống đời thánh hiến luôn giữ được:

“Tâm bất biến giữa dòng đời vạn biến”

-----ooOoo-----

GIỚI THIỆU SÁCH LIÊN QUAN

- Lm Agostino NGUYỄN VĂN DỤ, *Để có được một cái nhìn Kitô giáo về tính dục*, Ban MVGD TGP TP HCM, AD 2016.
- Andre BARA-BARON, *Độc thân, một con đường sống*, Nhà xuất bản tôn giáo
- LM Đaminh NGUYỄN ĐỨC THÔNG, *Luân lý giới tính*, Nhà xuất bản Phương Đông
- Felix Podimanttam, OFM Cap, chuyên ngữ do Nguyễn Ngọc Kính OFM, *Khiết tịnh đời sống thánh hiến*, Nhà xuất bản tôn giáo.
- Lm Micae Trần Minh Huy, Pss, *Thường huấn các linh mục trẻ tại Buôn Mê Thuật* ngày 22-25.08.2016
- Nt. TRẦN NHƯ Ý LAN, *Người Công giáo trước một số vấn đề y sinh học và tính dục*, Nhà xuất bản tôn giáo.

P.S. Con chân thành cảm ơn tất cả những ai đã giúp con cách này hay cách khác để con có thể thu thập các kiến thức cần thiết, để chia sẻ cho các anh chị hầu các anh chị thêm hiểu biết và sống chứng tá Tin Mừng về đời sống Khiết Tịnh thánh hiến vì Nước Trời giữa thời đại hôm nay, một xã hội đầy cám dỗ về khoái lạc trần gian! Cảm ơn tất cả quý tu sĩ nam nữ đã lắng nghe. Nguyên xin Chúa chúc lành và gìn giữ tất cả chúng ta.